

Mục 6
BẢNG MÃ SỐ HS ĐỐI VỚI DANH MỤC LOÀI THỦY SẢN ĐƯỢC
PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH TẠI VIỆT NAM

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Ghi chú
0106.20.00	- Loài bò sát (kể cả rắn và rùa): Ba ba gai (<i>Palea steindachneri</i>); Ba ba hoa (<i>Pelodiscus sinensis</i>); Ba ba Nam Bộ (<i>Amyda cartilaginea</i> ¹); Ba ba trơn (<i>Trionyx sinensis</i>); Rùa ba vạch (<i>Cuora trifasciata</i>).	kg/con
0106.90.00	- Loại khác: Éch đồng (<i>Hoplobatrachus tigerinus</i>); Éch Thái Lan (<i>Hoplobatrachus rugulosus</i>)	kg/con
03.01	Cá sống.	
	- Cá cảnh:	
0301.11	- - Cá nước ngọt:	
	- - - Cá bột:	
0301.11.11	- - - - Cá chuột ba sọc/cá heo hề (Botia) (<i>Chromobotia macracanthus</i>)(SEN)	kg/con
0301.11.19	- - - - Loại khác: Cá ali (<i>Sciaenochromis ahli</i>); Cá ba lưỡi (<i>Barbichthys laevis</i>); Cá bánh lái/Cá cánh buồm (<i>Gymnocorymbus ternetzi</i>); Cá bảy màu/Cá khổng tước (<i>Poecilia reticulata</i>); Cá bò (<i>Tachysurus fulvidraco</i>); Cá chép (<i>Cyprinus carpio</i>); Cá chim trắng cảnh (Silver dollar) (<i>Brachyhalcinus orbicularis</i>); Cá chọi/Cá xiêm/Cá phướn (<i>Betta splendens</i>); Cá chuồn bụng sắc (<i>Parazacco spilurus</i>); Cá bụng tròn (<i>Zacco platypus</i>); Cá chuồn hai màu (<i>Epalzeorhynchus bicolor</i>); Cá chuồn xiêm (<i>Crossocheilus oblongus</i>); Cá đầu lân kim tuyến (<i>Andinoacara pulcher</i>); Cá diếc nhàn (<i>Tanichthys albonubes</i>); Cá đòng châm (<i>Enteromius stigmatopygus</i>); Cá đòng đòng (<i>Barbodes semifasciolatus</i>); Cá đòng gai sông Đà (<i>Puntius takhoaensis</i>); Cá đuôi cờ nhọn (<i>Pseudosphromenus dayi</i>); Cá đuôi cờ/Cá thia lia (<i>Macropodus opercularis</i>); Cá hắc bạc/Cá chuồn song (<i>Crossocheilus oblongus</i>); Cá hắc bố lữ (<i>Poecilia latipinna</i>); Cá hắc long (<i>Osteoglossum ferreirai</i>); Cá heo (<i>Syncrossus hymenophysa</i>); Cá heo châm (<i>Syncrossus beauforti</i>); Cá heo chân (<i>Acantopsis dialuzona</i>); Cá heo râu (<i>Yasuhikotakia morleti</i>); Cá heo vạch (<i>Yasuhikotakia modesta</i>); Cá hoả khẩu (<i>Thorichthys helleri</i>); Cá hoà lan râu (<i>Poecilia sphenops</i>); Cá hoà lan tròn (<i>Poecilia velifera</i>); Cá hoàng đế (<i>Cichla ocellaris</i>); Cá hoàng kim (<i>Thorichthys aureus</i>); Cá hồng kim/Cá hồng kiếm (<i>Xiphophorus maculatus</i>); Cá hoàng tử Phi châu (<i>Labidochromis caeruleus</i>); Cá hồng két (<i>Amphilophus labiatus</i> X <i>Heros severus</i>); Cá hồng nhung (<i>Hyphessobrycon callistus</i>); Cá hồng vĩ (<i>Phractocephalus hemiliopterus</i>); Cá huyết long/Cá rồng (<i>Scleropages formosus</i>); Cá huyết trung hồng (Zebra) (<i>Maylandia zebra</i>); Cá khủng long bông (<i>Polypterus ornatipinnis</i>); Cá khủng long vàng (<i>Polypterus senegalus</i>); Cá kim long Úc/ Cá trăn châu long (<i>Scleropages leichardti</i>); Cá kim thơm bảy màu (<i>Cichlasoma salvini</i>); Cá Koi (<i>Cyprinus carpio rubrofuscus</i>); Cá la hán/ Cá trăn châu kỳ lân (<i>Vieja bifasciata</i>); Cá măng rô (<i>Toxotes chatareus</i>); Cá may (<i>Gyrinocheilus aymonieri</i>); Cá mùi/Cá hường (<i>Helostoma temminckii</i>); Cá nạng hai (<i>Chitala chitala</i>); Cá ngân long	kg/con

	(<i>Osteoglossum bicirrhosum</i>); Cá neon (<i>Paracheirodon innesi</i>); Cá ngọc long/Cá rồng Úc (<i>Scleropages jardinii</i>); Cá ngũ vân (<i>Desmopuntius pentazona</i>); Cá sặc vện (<i>Nandus nandus</i>); Cá sóc (<i>Oryzias latipes</i>); Cá tai tượng/ Cá phát tài/ Cá hồng phát (<i>Osphronemus goramy</i>); Cá thái hồ vằn/Cá hường vện (<i>Datnioides quadrifasciatus</i>); Cá thái hồ/Cá hường (<i>Datnioides microlepis</i>); Cá thần tiên/Cá ông tiên (<i>Pterophyllum scalare</i>); Cá thanh ngọc (<i>Trichopsis pumila</i>); Cá thè be dài (<i>Acheilognathus tonkinensis</i>); Cá thè be sông Đáy (<i>Acheilognathus longibarbatus</i>); Cá tứ vân (<i>Puntigrus tetrazona</i>); Cá tuyết tiêu/Cá tuyết điều (<i>Pseudotropheus socolofi</i>); Cá vây đỏ đuôi đỏ/Cá nút (<i>Epalzeorhynchus frenatus</i>); Cá xảm mắt bé (<i>Opsarius pulchellus</i>); Các loài thuộc Chi cá chuột (<i>Corydoras</i>); Các loài thuộc Chi cá đĩa (<i>Symphysodon</i>); Kuhli loach/Cá chạch suối Kuli (<i>Pangio kuhlii</i>)	
	- - - Loại khác: (ghi chú: trứng, sẹ, cá hương, cá giống, cá trưởng thành)	
0301.11.91	- - - - Cá chép Koi (<i>Cyprinus carpio</i>)	kg/con
0301.11.92	- - - - Cá vàng (<i>Carassius auratus</i>)	kg/con
0301.11.93	- - - - Cá chọi Thái Lan (<i>Betta splendens</i>)	kg/con
0301.11.94	- - - - Cá tai tượng da beo (<i>Astronotus ocellatus</i>)	kg/con
0301.11.95	- - - - Cá rồng (<i>Scleropages formosus</i> ¹)	kg/con
0301.11.96	- - - - Cá rồng trân châu (<i>Scleropages jardini</i> ¹) ^{SEN})	kg/con
0301.11.99	- - - - Loại khác: Cá ali (<i>Sciaenochromis ahli</i>); Cá ba lưỡi (<i>Barbichthys laevis</i>); Cá bánh lái/Cá cánh buồm (<i>Gymnocorymbus ternetzi</i>); Cá bảy màu/Cá khồng tước (<i>Poecilia reticulata</i>); Cá bò (<i>Tachysurus fulvidraco</i>); Cá chim trắng cảnh (Silver dollar) (<i>Brachyhalcinus orbicularis</i>); Cá chuồn bụng sặc (<i>Parazacco spilurus</i>); Cá bụng tròn (<i>Zacco platypus</i>); Cá chuồn hai màu (<i>Epalzeorhynchus bicolor</i>); Cá chuồn xiêm (<i>Crossocheilus oblongus</i>); Cá đầu lân kim tuyến (<i>Andinoacara pulcher</i>); Cá diếc nhằng (<i>Tanichthys albonubes</i>); Cá đòng châm (<i>Enteromius stigmatopygus</i>); Cá đòng đòng (<i>Barbodes semifasciolatus</i>); Cá đòng gai sông Đà (<i>Puntius takhoaensis</i>); Cá đuôi cờ nhọn (<i>Pseudosphromenus dayi</i>); Cá đuôi cờ/Cá thia lia (<i>Macropodus opercularis</i>); Cá hắc bạc/Cá chuồn song (<i>Crossocheilus oblongus</i>); Cá hắc bố lữ (<i>Poecilia latipinna</i>); Cá hắc long (<i>Osteoglossum ferreirai</i>); Cá heo (<i>Syncrossus hymenophysa</i>); Cá heo châm (<i>Syncrossus beauforti</i>); Cá heo chân (<i>Acantopsis dialuzona</i>); Cá heo râu (<i>Yasuhikotakia morleti</i>); Cá heo vạch (<i>Yasuhikotakia modesta</i>); Cá hoả khẩu (<i>Thorichthys helleri</i>); Cá hoà lan râu (<i>Poecilia sphenops</i>); Cá hoà lan tròn (<i>Poecilia velifera</i>); Cá hoàng đế (<i>Cichla ocellaris</i>); Cá hoàng kim (<i>Thorichthys aureus</i>); Cá hồng kim/Cá hồng kiếm (<i>Xiphophorus maculatus</i>); Cá hoàng tử Phi châu (<i>Labidochromis caeruleus</i>); Cá hồng két (<i>Amphilophus labiatus</i> X <i>Heros severus</i>); Cá hồng nhung (<i>Hyphessobrycon callistus</i>); Cá hồng vĩ (<i>Phractocephalus hemioliopus</i>); Cá huyết trung hồng (Zebra) (<i>Maylandia zebra</i>); Cá khủng long bông (<i>Polypterus ornatipinnis</i>); Cá khủng long vàng (<i>Polypterus senegalus</i>); Cá kim long Úc/ Cá trân châu long (<i>Scleropages leichardti</i>); Cá kim thom bảy màu (<i>Cichlasoma salvini</i>); Cá la hán/ Cá trân châu kỳ lân (<i>Vieja bifasciata</i>);	kg/con

	Cá măng rô (<i>Toxotes chatareus</i>); Cá may (<i>Gyrinocheilus aymonieri</i>); Cá mùi/Cá hương (<i>Helostoma temminckii</i>); Cá nạng hai (<i>Chitala chitala</i>); Cá ngân long (<i>Osteoglossum bicirrhosum</i>); Cá neon (<i>Paracheirodon innesi</i>); Cá ngũ vân (<i>Desmopuntius pentazona</i>); Cá sặc vện (<i>Nandus nandus</i>); Cá sóc (<i>Oryzias latipes</i>); Cá tai tượng/ Cá phát tài/ Cá hồng phát (<i>Osphronemus goramy</i>); Cá thái hồ vằn/Cá hương vện (<i>Datnioides quadrifasciatus</i>); Cá thái hồ/Cá hương (<i>Datnioides microlepis</i>); Cá thần tiên/Cá ông tiên (<i>Pterophyllum scalare</i>); Cá thanh ngọc (<i>Trichopsis pumila</i>); Cá thè be dài (<i>Acheilognathus tonkinensis</i>); Cá thè be sông Đáy (<i>Acheilognathus longibarbaratus</i>); Cá tứ vân (<i>Puntigrus tetrazona</i>); Cá tuyết tiêu/Cá tuyết điêu (<i>Pseudotropheus socolofi</i>); Cá vây đỏ đuôi đỏ/Cá nút (<i>Epalzeorhynchus frenatus</i>); Cá xảm mắt bé (<i>Opsarius pulchellus</i>); Các loài thuộc Chi cá chuột (<i>Corydoras</i>); Các loài thuộc Chi cá đĩa (<i>Symphysodon</i>); Kuhli loach/Cá chạch suối Kuli (<i>Pangio kuhlii</i>); Cá heo hề/Cá chuột ba sọc (<i>Chromobotia macracanthus</i>)	
0301.19	-- Loại khác: (mặn, lợ)	
0301.19.10	--- Cá bột: Cá hắc ma quỷ/ Cá lông gà (<i>Apteronotus albifrons</i>); Cá khoang cổ (<i>Amphiprion frenatus</i>); Cá khoang cổ nemo (<i>Amphiprion ocellaris</i>); Cá măng rô (<i>Toxotes chatareus</i>); Cá măng rô (phun nước, cao xạ) (<i>Toxotes jaculatrix</i>); Cá mặt quỷ/ Cá mang ếch (<i>Allenbatrachus grunniens</i>); Cá mú (Cá song) chấm đỏ (<i>Epinephelus akaara</i>); Cá mú (Cá song) chấm xanh/Cá mú trắng (<i>Plectropomus leopardus</i>); Cá mú (Cá song) chuột (<i>Cromileptes altivelis</i>); Cá mú (Cá song) nghệ (<i>Epinephelus lanceolatus</i>); Cá mú (Cá song) sao (<i>Plectropomus maculatus</i>); Cá nâu/Cá nâu (<i>Scatophagus argus</i>); Cá ngựa chấm (<i>Hippocampus trimaculatus</i>); Cá ngựa đen (<i>Hippocampus kuda</i>); Cá ngựa gai (<i>Hippocampus histrix</i>); Cá ngựa nam/ Cá ngựa vạch (<i>Hampala macrolepidota</i>); Cá ngựa Nhật Bản (<i>Hippocampus mohnikei</i>); Cá ngựa thân trắng (<i>Hippocampus kelloggi</i>); Cá ngựa vằn (<i>Hippocampus comes</i>); Cá ngựa vằn/ Cá sọc xanh (<i>Danio rerio</i>)	kg/con
	--- Loại khác: (có thể là Trứng, ấu trùng, cá hương, cá giống, cá trưởng thành)	
0301.19.99	---- Loại khác: Cá hắc ma quỷ/ Cá lông gà (<i>Apteronotus albifrons</i>); Cá khoang cổ (<i>Amphiprion frenatus</i>); Cá khoang cổ nemo (<i>Amphiprion ocellaris</i>); Cá măng rô (<i>Toxotes chatareus</i>); Cá măng rô (phun nước, cao xạ) (<i>Toxotes jaculatrix</i>); Cá mặt quỷ/ Cá mang ếch (<i>Allenbatrachus grunniens</i>); Cá mú (Cá song) chấm đỏ (<i>Epinephelus akaara</i>); Cá mú (Cá song) chấm xanh/Cá mú trắng (<i>Plectropomus leopardus</i>); Cá mú (Cá song) chuột (<i>Cromileptes altivelis</i>); Cá mú (Cá song) nghệ (<i>Epinephelus lanceolatus</i>); Cá mú (Cá song) sao (<i>Plectropomus maculatus</i>); Cá nâu/Cá nâu (<i>Scatophagus argus</i>); Cá ngựa chấm (<i>Hippocampus trimaculatus</i>); Cá ngựa đen (<i>Hippocampus kuda</i>); Cá ngựa gai (<i>Hippocampus histrix</i>); Cá ngựa nam/ Cá ngựa vạch (<i>Hampala macrolepidota</i>); Cá ngựa Nhật Bản (<i>Hippocampus mohnikei</i>); Cá ngựa thân trắng (<i>Hippocampus kelloggi</i>); Cá ngựa vằn (<i>Hippocampus comes</i>); Cá ngựa vằn/ Cá sọc xanh (<i>Danio rerio</i>)	kg/con
	- Cá sống khác: (ghi chú: Không làm cảnh)	

0301.91.00	-- Cá hồi chấm (trout): <i>Oncorhynchus mykiss</i>	kg/con
0301.92.00	-- Cá chình: Cá chình châu Âu (<i>Anguilla anguilla</i> ¹); Cá chình hoa (<i>Anguilla marmorata</i>); Cá chình mun (<i>Anguilla bicolor</i>); Cá chình Nhật Bản (<i>Anguilla japonica</i>); Cá chình nhọn (<i>Anguilla borneensis</i>).	kg/con
0301.93	-- Cá chép: Cá chép (<i>Cyprinus carpio</i>); Cá Koi (<i>Cyprinus carpio rubrofuscus</i>); Cá diếc (<i>Carassius auratus</i>); Cá trắm cỏ (<i>Ctenopharyngodon Idella</i>); Cá mè hoa (<i>Hypophthalmichthys nobilis</i>); Cá mè trắng Hoa Nam (<i>Hypophthalmichthys molitrix</i>); Cá mè trắng Việt Nam (<i>Hypophthalmichthys harmandi</i>); Cá trôi mrigal (<i>Cirrhinus cirrhosis</i>); Cá trôi ta (<i>Cirrhinus molitorella</i>); Cá trắm đen (<i>Mylopharyngodon piceus</i>); Cá ét mọi (<i>Labeo chrysophekadion</i>); Cá trôi Ấn Độ (<i>Labeo rohita</i>); Cá mè lúi (<i>Osteochilus vittatus</i>); Cá chài (<i>Leptobarbus hoeveni</i>); Cá vền (<i>Megalobrama terminalis</i>);	
0301.93.10	--- Để nhân giống, trừ cá bột ^(SEN)	kg/con
0301.93.90	--- Loại khác	kg/con
0301.99	-- Loại khác:	
	--- Cá bột của cá măng biển và của cá mú: Cá măng biển (<i>Chanos chanos</i>); Cá mú (Cá song) chấm đen (<i>Epinephelus malabaricus</i>); Cá mú (Cá song) chấm đỏ (<i>Epinephelus akaara</i>); Cá mú (Cá song) chấm gai (<i>Epinephelus areolatus</i>); Cá mú (Cá song) chấm tổ ong (<i>Epinephelus merra</i>); Cá mú (Cá song) chấm vạch (<i>Epinephelus amblycephalus</i>); Cá mú (Cá song) chấm xanh/Cá mú trắng (<i>Plectropomus leopardus</i>); Cá mú (Cá song) chấm/Cá mú chấm xanh (<i>Epinephelus chlorostigma</i>); Cá mú (Cá song) chuột (<i>Cromileptes altivelis</i>); Cá mú (Cá song) đen chấm nâu (<i>Epinephelus coioides</i>); Cá mú (Cá song) đẹt (<i>Epinephelus bleekeri</i>); Cá mú (Cá song) hoa nâu/Cá mú cộp (<i>Epinephelus fuscoguttatus</i>); Cá mú (Cá song) lai/Cá mú trần châu (♂ <i>Epinephelus lanceolatus</i> X ♀ <i>Epinephelus</i>); Cá mú (Cá song) mỡ/Cá mú ruồi (<i>Epinephelus tauvina</i>); Cá mú (Cá song) nghệ (<i>Epinephelus lanceolatus</i>); Cá mú (Cá song) sao (<i>Plectropomus maculatus</i>); Cá mú (Cá song) sáu sọc (<i>Epinephelus sexfasciatus</i>); Cá mú (Cá song) sáu sọc ngang (<i>Epinephelus fasciatus</i>); Cá mú (Cá song) vạch (<i>Epinephelus bruneus</i>); Cá mú vàng nước ngọt/Cá mú Úc (<i>Maccullochella peelii peelii</i>)	
0301.99.11	---- Để nhân giống ^(SEN)	kg/con
0301.99.19	---- Loại khác ^(SEN)	kg/con
	--- Cá bột loại khác: Cá ali (<i>Sciaenochromis ahli</i>); Cá anh vũ (<i>Semilabeo notabilis</i>); Cá ba lưỡi (<i>Barbichthys laevis</i>); Cá ba sa (<i>Pangasius bocourti</i>); Cá bã trầu (<i>Trichopsis vittata</i>); Cá bạc đầu (<i>Aplocheilus panchax</i>); Cá bánh lái/ Cá cánh buồm (<i>Gymnocorymbus ternetzi</i>); Cá bảy màu/ Cá không tước (<i>Poecilia reticulata</i>); Cá bè quýt/Cá bè vâu/Cá khế vâu vàng (<i>Caranx ignobilis</i>); Cá bò (<i>Tachysurus fulvidraco</i>); Cá bơn cát (<i>Cynoglossus robustus</i>); Cá bơn mào (<i>Samaris cristatus</i>); Cá bơn ngô (<i>Psettodes erumei</i>); Cá bơn vằn răng to (<i>Pseudorhombus arsius</i>); Cá bơn vì (<i>Paralichthys olivaceus</i>); Cá bông (<i>Spinibarbus denticulatus</i>); Cá bông bớp (<i>Bostrichthys sinensis</i>); Cá bông cát (<i>Glossogobius giuris</i>); Cá bông cau (<i>Butis butis</i>); Cá bông lau (<i>Pangasius krempfi</i>); Cá bông mít (<i>Stigmatogobius sadanundio</i>); Cá bông suối đầu ngắn (<i>Philypnus</i>	

chalmersi); Cá bông tượng (*Oxyeleotris marmorata*); Cá bóp biển/Cá giò (*Rachycentron canadum*); Cá bươm be dài (*Rhodeus ocellatus*); Cá bươm be nhỏ (*Acheilognathus elongatoides*); Cá bươm già (*Pararhodeus kyphus*); Cá bươm sông đáy; (*Acanthorhodeus dayeus*); Cá cam thoi (*Elagatis bipinnulata*); Cá cam vân/Cá cam sọc đen/ Cá cu/Cá bè (*Seriolina nigrofasciata*); Cá cam/Cá cu/ Cá cam sọc (*Seriola dumerili*); Cá cam/Cá thuyề/Cá cu cam/Cá cu cam sọc đen (*Naucrates doctor*); Cá cặng ba chắm (*Terapon puta*); Cá cặng mõm nhọn (*Rhynchopelates oxyrhynchus*); Cá cặng sọc cong (*Terapon jarbua*); Cá cặng sọc thẳng (*Terapon theraps*); Cá câu vòng (*Glossolepis incisus*); Cá chạch bông lớn (*Mastacembelus favus*); Cá chạch bùn/ Cá chạch Đài Loan (*Misgurnus anguillicaudatus*); Cá chạch khoang (*Macragnathus circumcinctus*); Cá chạch lá tre/ Cá chạch gai (*Macragnathus aculeatus*); Cá chạch rần/Cá chạch lấu (*Macragnathus taeniagaster*); Cá chạch song (*Mastacembelus armatus*); Cá chành dục (*Channa gachua*); Cá chát vạch (*Acrossocheilus clivosius*); Cá chày mắt đỏ (*Squaliobarbus curriculus*); Cá chễm/Cá vược (*Lates calcarifer*); Cá chìa vôi biển (*Proteracanthus sarissophorus*); Cá chiêm song (*Bagarius yarrelli*); Cá chim (*Monodactylus argenteus*); Cá chim đen (*Parastromateus niger*); Cá chim dơi bốn sọc (*Monodactylus sebae*); Cá chim gai (*Psenopsis anomala*); Cá chim trắng (*Pampus argenteus*); Cá chim trắng (*Piaractus brachypomus*); Cá chim trắng cảnh (Silver dollar) (*Brachyhalcinus orbicularis*); Cá chim vây vàng (*Trachinotus blochii*); Cá chim vây vàng (vây lưng ngắn) (*Trachinotus falcatus*); Cá chọi/Cá xiêm/Cá phươn (*Betta splendens*); Cá chột (*Mystus gulio*); Cá chột bông (*Pseudomystus siamensis*); Cá chột sọc thường (*Mystus vittatus*); Cá chột vạch (*Mystus mysticetus*); Cá chuỗi hoa (*Channa maculate*); Cá chuỗi/Cá sộp/Cá lóc (*Channa striata*); Cá chuôn bụng sắc (*Parazacco spilurus*); Cá chuôn bụng tròn (*Zacco platypus*); Cá chuồn cát (*Cypselurus poecilopterus*); Cá chuồn hai màu (*Epalzeorhynchus bicolor*); Cá chuồn xiêm (*Crossocheilus oblongus*); Cá cóc (*Cyclocheilichthys enoplos*); Cá cóc đậm (*Cyclocheilichthys apogon*); Cá đầu lân kim tuyến (*Andinoacara pulcher*); Cá đĩa bông/Cá đĩa công (*Siganus guttatus*); Cá diếc nhằng (*Tanichthys albonubes*); Cá điêu hồng (*Oreochromis sp*); Cá đồ mang (*Systemus orphoides*); Cá đôi mực (*Mugil cephalus*); Cá đơng chắm (*Enteromius stigmatopygus*); Cá đơng đơng (*Barbodes semifasciolatus*); Cá đơng gai sông Đà (*Puntius takhoaensis*); Cá đu chắm (*Nibeia maculate*); Cá đu đỏ/ Cá hồng Mỹ (*Sciaenops ocellatus*); Cá đu trắng/ Cá thù lù bạc (*Pennahia argentata*); Cá dưa xám (*Muraenesox cinereus*); Cá dưa/Cá tra nghệ (*Pangasius kunyit*); Cá đục bạc (*Sillago sihama*); Cá đuôi cò nhọn (*Pseudosphromenus dayi*); Cá đuôi cò/Cá thia lia (*Macropodus opercularis*); Cá hắc bạc/Cá chuồn song (*Crossocheilus oblongus*); Cá hắc bố lữ (*Poecilia latipinna*); Cá hắc long (*Osteoglossum ferreirai*); Cá hắc ma quỷ/Cá lông gà (*Apteronotus albifrons*); Cá hanh vàng/Cá bánh đường ba chắm/Cá tráp vàng (*Dentex tumifrons*); Cá hè chắm đỏ/ Cá hè/Cá gáy (*Lethrinus lentjan*); Cá he đỏ (*Barbonymus schwanenfeldii*); Cá he mõm dài (*Lethrinus miniatus*); Cá he vàng (*Barbonymus altus*); Cá heo (*Syncrossus hymenophysa*); Cá heo

châm (*Syncrossus beauforti*); Cá heo chân (*Acantopsis dialuzona*); Cá heo hê/ Cá chuột ba sọc (*Chromobotia macracanthus*); Cá heo râu (*Yasuhikotakia morleti*); Cá heo vạch (*Yasuhikotakia modesta*); Cá hô (*Catlocarpio siamensis*); Cá hổ (*Trichiurus lepturus*); Cá hoả khẩu (*Thorichthys helleri*); Cá hoà lan râu (*Poecilia sphenops*); Cá hoà lan tròn (*Poecilia velifera*); Cá hoàng đế (*Cichla ocellaris*); Cá hoàng kim (*Thorichthys aureus*); Cá hồng kim/Cá hồng kiếm (*Xiphophorus maculatus*); Cá hoàng tử Phi châu (*Labidochromis caeruleus*); Cá hồng (*Lutjanus erythropterus*); Cá hồng bạc (*Lutjanus argentimaculatus*); Cá hồng bốn sọc (*Lutjanus kasmira*); Cá hồng dải đen (*Lutjanus vitta*); Cá hồng đỏ (*Lutjanus sanguineus*); Cá hồng két (*Amphilophus labiatus* X *Heros severus*); Cá hồng nhung (*Hyphessobrycon callistus*); Cá hồng vĩ (*Phractocephalus hemiliopterus*); Cá hú (*Pangasius conchophilus*); Cá huyết long/ Cá rồng (*Scleropages formosus*); Cá huyết trung hồng (Zebra) (*Maylandia zebra*); Cá kèo/Cá bóng kèo (*Pseudapocryptes lanceolatus*); Cá két (*Phalacrotonus bleekeri*); Cá khoai (*Harpadon nehereus*); Cá khoang cổ (*Amphiprion frenatus*); Cá khoang cổ nemo (*Amphiprion ocellaris*); Cá khủng long bông (*Polypterus ornatipinnis*); Cá khủng long vàng (*Polypterus senegalus*); Cá kim long Úc/ Cá trân châu long (*Scleropages leichardti*); Cá kim song (*Xenentodon cancila*); Cá kim thom bảy màu (*Cichlasoma salvini*); Cá la hán/ Cá trân châu kỳ lân (*Vieja bifasciata*); Cá lăng chám (*Hemibagrus guttatus*); Cá lăng đuôi đỏ (*Hemibagrus wyckioides*); Cá lăng nha (*Mystus wolffii*); Cá lăng vàng (*Mystus nemurus*); Cá leo (*Wallago attu*); Cá lim kìm ao (*Dermogenys pusilla*); Cá lóc bông (*Channa micropeltes*); Cá lòng tong (*Esomus danrica*); Cá lòng tong đá (*Rasbora paviana*); Cá lòng tong dị hình (*Trigonostigma heteromorpha*); Cá lòng tong đuôi đỏ (*Rasbora borapetensis*); Cá lòng tong lưng thấp (*Rasbora myersi*); Cá lòng tong mai (*Rasbora argyrotaenia*); Cá lòng tong nương (*Luciosoma bleekeri*); Cá lòng tong sắt (*Esomus metallicus*); Cá lòng tong sọc (*Rasbora trilineata*); Cá lòng tong vạch đỏ (*Rasbora retrodorsalis*); Cá lòng tong/ Cá đuôi đỏ (*Rasbora lateristriata*); Cá lù đù vàng lớn/Cá đỏ dạ/ Cá sóc (*Larimichthys crocea*); Cá mại nam (*Laubuka laubuca*); Cá măng (*Elopichthys bambusa*); Cá măng rỏ (*Toxotes chatareus*); Cá măng rỏ (phun nước, cao xạ) (*Toxotes jaculatrix*); Cá mặt quỷ/ Cá mang ếch (*Allenbatrachus grunniens*); Cá may (*Gyrinocheilus aymonieri*); Cá mè hôi (*Osteochilus melanopleurus*); Cá mè vinh (*Barbonymus gonionotus*); Cá mỏ vịt (*Pseudoplatystoma fasciatum*); Cá môi cờ hoa (*Clupanodon thrissa*); Cá mùi/Cá hường (*Helostoma temminckii*); Cá nương gai (*Hainania serrata*); Cá nương nam (*Luciosoma setigerum*); Cá nàng hai (*Chitala chitala*); Cá nâu/Cá nâu (*Scatophagus argus*); Cá neon (*Paracheirodon innesi*); Cá ngân long (*Osteoglossum bicirrhosum*); Cá ngành (*Cranoglanis boudierus*); Cá ngọc long/Cá rồng Úc (*Scleropages jardinii*¹); Cá ngừ mắt to (*Thunnus obesus*); Cá ngừ vân (*Desmopuntius pentazona*); Cá ngừ vây vàng (*Thunnus albacares*); Cá ngựa chám (*Hampala dispar*); Cá ngựa chám (*Hippocampus trimaculatus*¹); Cá ngựa đen (*Hippocampus kuda*¹); Cá ngựa gai (*Hippocampus histrix*¹); Cá ngựa nam/ Cá ngựa vạch (*Hampala macrolepidota*); Cá ngựa Nhật Bản (*Hippocampus mohnikei*¹); Cá

	<p>ngựa thân trắng (<i>Hippocampus kelloggi</i>¹); Cá ngựa vằn (<i>Hippocampus comes</i>¹); Cá ngựa vằn/ Cá sọc xanh (<i>Danio rerio</i>); Cá nhệch (<i>Pisodonophis boro</i>); Cá nheo Mỹ (<i>Ictalurus punctatus</i>); Cá nho cháo (<i>Sarcocheilichthys nigripinnis</i>); Cá nhụ bốn râu (<i>Eleutheronema tetradactylum</i>); Cá nóc da báo/ Cá nóc beo (<i>Dichomyctere fluviatilis</i>); Cá nóc dài (<i>Pao leiurus</i>); Cá nóc mít (<i>Pao palembangensis</i>); Cá ống điều (<i>Brachygobius sua</i>); Cá phèn trắng (<i>Polynemus longipectoralis</i>); Cá phèn vàng (<i>Polynemus paradiseus</i>); Cá quan đao (<i>Geophagus surinamensis</i>); Cá rầm nam (<i>Puntius brevis</i>); Cá rầm xanh (<i>Bangana lemassoni</i>); Cá rô biển (<i>Lobotes surinamensis</i>); Cá rô đồng (<i>Anabas testudineus</i>); Cá rô phi vằn (<i>Oreochromis niloticus</i>); Cá rô phi xanh (<i>Oreochromis aureus</i>); Cá sặc bươm (<i>Trichopodus trichopterus</i>); Cá sặc điệp/Cá sặc (<i>Trichopodus microlepis</i>); Cá sặc gấm (<i>Colisa lalia</i>); Cá sặc rần (<i>Trichogaster pectoralis</i>); Cá sặc trăn châu (<i>Trichopodus leerii</i>); Cá sặc vện (<i>Nandus nandus</i>); Cá sóc (<i>Oryzias latipes</i>); Cá son bầu (<i>Parambassis wolffii</i>); Cá sủ đất (<i>Protonibea diacanthus</i>); Cá sừ (<i>Boesemania microlepis</i>); Cá tai tượng Phi châu (<i>Astronotus ocellatus</i>); Cá tai tượng/ Cá phát tài/ Cá hồng phát (<i>Osphronemus goramy</i>); Cá tầm Beluga (<i>Huso huso</i>¹); Cá tầm Nga (<i>Acipenser gueldenstaedtii</i>¹); Cá tầm Sterlet (<i>Acipenser ruthenus</i>¹); Cá tầm Trung Hoa (<i>Acipenser sinensis</i>¹); Cá tầm Xibêri (<i>Acipenser baerii</i>¹); Cá thác lác/Cá thác lát (<i>Notopterus notopterus</i>); Cá thái hổ vằn/ Cá hường vện (<i>Datnioides quadrifasciatus</i>); Cá thái hổ/Cá hường (<i>Datnioides microlepis</i>); Cá thần tiên/ Cá ông tiên (<i>Pterophyllum scalare</i>); Cá thanh ngọc (<i>Trichopsis pumila</i>); Cá thè be dài (<i>Acheilognathus tonkinensis</i>); Cá thè be sông Đáy (<i>Acheilognathus longibarbatus</i>); Cá thiêu (<i>Cultrichthys erythropterus</i>); Cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>); Cá trà sọc (<i>Probarbus jullieni</i>); Cá trắng (<i>Coregonus lavaretus</i>); Cá trắng (<i>Barbodes binotatus</i>); Cá tráp đen (<i>Acanthopagrus schlegelii</i>); Cá tráp vây vàng (<i>Acanthopagrus latus</i>); Cá trê đen (<i>Clarias fuscus</i>); Cá trê phi (<i>Clarias gariepinus</i>); Cá trê trắng (<i>Clarias batrachus</i>); Cá trê vàng (<i>Clarias macrocephalus</i>); Cá trèn bầu (<i>Ompok bimaculatus</i>); Cá trèn đá (<i>Kryptopterus cryptopterus</i>); Cá trèn lá/Cá trèn thủy tinh (<i>Kryptopterus bicirrhis</i>); Cá trèn mỡ (<i>Phalacrotonotus apogon</i>); Cá trôi Trường Giang (<i>Prochilodus lineatus</i>); Cá tứ vân (<i>Puntigrus tetrazona</i>); Cá tuyết tiêu/Cá tuyết điều (<i>Pseudotropheus socolofi</i>); Cá vây đỏ đuôi đỏ/Cá nút (<i>Epalzeorhynchus frenatus</i>); Cá vồ đêm (<i>Pangasius larnaudii</i>); Cá vược mõm nhọn (<i>Psammoperca waigiensis</i>); Cá xác sọc (<i>Pangasius nasutus</i>); Cá xâm mắt bé (<i>Opsarius pulchellus</i>); Các loài thuộc Chi cá chuột (<i>Corydoras</i>); Các loài thuộc Chi cá đĩa (<i>Symphysodon</i>); Kuhli loach/Cá chạch suối Kuli (<i>Pangio kuhlii</i>); Lươn (<i>Monopterus albus</i>).</p>	
0301.99.21	---- Để nhân giống (SEN)	kg/con
0301.99.29	---- Loại khác	kg/con
	--- Cá nước ngọt khác:(Trứng, se, ấu trùng, cá hương, cá giống, cá trưởng thành)	
0301.99.41	---- Cá rô phi: Cá diêu hồng (<i>Oreochromis sp</i>); Cá rô phi vằn (<i>Oreochromis niloticus</i>); Cá rô phi xanh (<i>Oreochromis aureus</i>);	kg/con

0301.99.42	----- Cá chép khác, để nhân giống (SEN)	kg/con
0301.99.49	<p>----- Loại khác: Cá ali (<i>Sciaenochromis ahli</i>); Cá anh vũ (<i>Semilabeo notabilis</i>); Cá ba lưỡì (<i>Barbichthys laevis</i>); Cá ba sa (<i>Pangasius bocourti</i>); Cá bã trầu (<i>Trichopsis vittata</i>); Cá bạc đầu (<i>Aplocheilus panchax</i>); Cá bánh lái/Cá cánh buồm (<i>Gymnocorymbus ternetzi</i>); Cá bảy màu/Cá không tước (<i>Poecilia reticulata</i>); Cá bò (<i>Tachysurus fulvidraco</i>); Cá bông (<i>Spinibarbus denticulatus</i>); Cá bông bóp (<i>Bostrichthys sinensis</i>); Cá bông cát (<i>Glossogobius giuris</i>); Cá bông cau (<i>Butis butis</i>); Cá bông lau (<i>Pangasius krempfi</i>); Cá bông mít (<i>Stigmatogobius sadanundio</i>); Cá bông suối đầu ngắn (<i>Philypnus chalmersi</i>); Cá bông tượng (<i>Oxyeleotris marmorata</i>); Cá bóp biển/Cá giò (<i>Rachycentron canadum</i>); Cá bướm be dài (<i>Rhodeus ocellatus</i>); Cá bướm be nhỏ (<i>Acheilognathus elongatoides</i>); Cá bướm giả (<i>Pararhodeus kyphus</i>); Cá bướm sông đáy (<i>Acanthorhodeus dayeus</i>); Cá cãng ba chãm (<i>Terapon puta</i>); Cá cãng mõm nhọn (<i>Rhynchopelates oxyrhynchus</i>); Cá cãng sọc cong; (<i>Terapon jarbua</i>); Cá cãng sọc thẳng (<i>Terapon theraps</i>); Cá câu vòng (<i>Glossolepis incisus</i>); Cá chạch bông lớn (<i>Mastacembelus favus</i>); Cá chạch bùn/ Cá chạch Đãi Loan (<i>Misgurnus anguillicaudatus</i>); Cá chạch khoang (<i>Macrognathus circumcinctus</i>); Cá chạch lá tre/ Cá chạch gai (<i>Macrognathus aculeatus</i>); Cá chạch rằn/ Cá chạch lấu (<i>Macrognathus taeniagaster</i>); Cá chạch sông (<i>Mastacembelus armatus</i>); Cá chành dục (<i>Channa gachua</i>); Cá chát vạch (<i>Acrossocheilus clivosius</i>); Cá chày mắt đỏ (<i>Squaliobarbus curriculus</i>); Cá chiêm sông (<i>Bagarius yarrelli</i>); Cá chim trắng (<i>Pampus argenteus</i>); Cá chim trắng (<i>Piaractus brachypomus</i>); Cá chim trắng cảnh (Silver dollar) (<i>Brachyhalcinus orbicularis</i>); Cá chọi/Cá xiêm/ Cá phướn (<i>Betta splendens</i>); Cá chột (<i>Mystus gulio</i>); Cá chột bông (<i>Pseudomystus siamensis</i>); Cá chột sọc thường (<i>Mystus vittatus</i>); Cá chột vạch (<i>Mystus mysticetus</i>); Cá chuối hoa (<i>Channa maculate</i>); Cá chuối/Cá sộp/ Cá lóc (<i>Channa striata</i>); Cá chuôn bụng sắc (<i>Parazacco spilurus</i>); Cá chuôn bụng tròn (<i>Zacco platypus</i>); Cá chuôn hai màu (<i>Epalzeorhynchus bicolor</i>); Cá chuôn xiêm (<i>Crossocheilus oblongus</i>); Cá cóc (<i>Cyclocheilichthys enoplos</i>); Cá cóc đậm (<i>Cyclocheilichthys apogon</i>); Cá đầu lân kim tuyến (<i>Andinoacara pulcher</i>); Cá diếc nhãng (<i>Tanichthys albonubes</i>); Cá đỏ mang (<i>Systemus orphoides</i>); Cá đòng chãm (<i>Enteromius stigmatopygus</i>); Cá đòng đòng (<i>Barbodes semifasciolatus</i>); Cá đòng gai sông Đà (<i>Puntius takhoaensis</i>); Cá dưa xám (<i>Muraenesox cinereus</i>); Cá dưa/Cá tra nghệ (<i>Pangasius kunyit</i>); Cá đục bạc (<i>Sillago sihama</i>); Cá đuôi cò nhọn (<i>Pseudosphromenus dayi</i>); Cá đuôi cò/Cá thia lia (<i>Macropodus opercularis</i>); Cá hắc bạc/ Cá chuồn sông (<i>Crossocheilus oblongus</i>); Cá hắc bố lữ (<i>Poecilia latipinna</i>); Cá hắc long (<i>Osteoglossum ferreirai</i>); Cá he đỏ (<i>Barbonymus schwanefeldii</i>); Cá he vàng (<i>Barbonymus altus</i>); Cá heo (<i>Syncrossus hymenophysa</i>); Cá heo chãm (<i>Syncrossus beauforti</i>); Cá heo chân (<i>Acantopsis dialuzona</i>); Cá heo hề/Cá chuột ba sọc (<i>Chromobotia macracanthus</i>); Cá heo râu (<i>Yasuhikotakia morleti</i>); Cá heo vạch (<i>Yasuhikotakia modesta</i>); Cá hô (<i>Catlocarpio siamensis</i>); Cá hoả khẩu (<i>Thorichthys helleri</i>); Cá hoà lan râu (<i>Poecilia sphenops</i>); Cá hoà lan tròn (<i>Poecilia velifera</i>); Cá hoàng đế (<i>Cichla ocellaris</i>); Cá hoàng kim (<i>Thorichthys aureus</i>); Cá hồng</p>	kg/con

kim/ Cá hồng kiếm (*Xiphophorus maculatus*); Cá hoàng tử Phi châu (*Labidochromis caeruleus*); Cá hồng két (*Amphilophus labiatus* X *Heros severus*); Cá hồng nhung (*Hyphessobrycon callistus*); Cá hồng vĩ (*Phractocephalus hemiliopterus*); Cá hú (*Pangasius conchophilus*); Cá huyết long/ Cá rồng (*Scleropages formosus*¹); Cá huyết trung hồng (Zebra) (*Maylandia zebra*); Cá két (*Phalacrotonus bleekeri*); Cá khủng long bông (*Polypterus ornatipinnis*); Cá khủng long vàng (*Polypterus senegalus*); Cá kim long Úc/ Cá trăn châu long (*Scleropages leichardti*¹); Cá kìm sông (*Xenentodon cancila*); Cá kìm thom bảy màu (*Cichlasoma salvini*); Cá la hán/ Cá trăn châu kỳ lân (*Vieja bifasciata*); Cá lăng châm (*Hemibagrus guttatus*); Cá lăng đuôi đỏ (*Hemibagrus wyckioides*); Cá lăng nha (*Mystus wolffii*); Cá lăng vàng (*Mystus nemurus*); Cá leo (*Wallago attu*); Cá lim kìm ao (*Dermogenys pusilla*); Cá lóc bông (*Channa micropeltes*); Cá lòng tong (*Esomus danrica*); Cá lòng tong đá (*Rasbora paviana*); Cá lòng tong dị hình (*Trigonostigma heteromorpha*); Cá lòng tong đuôi đỏ (*Rasbora borapetensis*); Cá lòng tong lưng thấp (*Rasbora myersi*); Cá lòng tong mai (*Rasbora argyrotaenia*); Cá lòng tong mương (*Luciosoma bleekeri*); Cá lòng tong sắt (*Esomus metallicus*); Cá lòng tong sọc (*Rasbora trilineata*); Cá lòng tong vạch đỏ (*Rasbora retrodorsalis*); Cá lòng tong/ Cá đuôi đỏ (*Rasbora lateristriata*); Cá mai nam (*Laubuka laubuca*); Cá măng (*Elopichthys bambusa*); Cá măng rô (*Toxotes chatareus*); Cá may (*Gyrinocheilus aymonieri*); Cá mè hôi (*Osteochilus melanopleurus*); Cá mè vinh (*Barbonymus gonionotus*); Cá mỏ vịt (*Pseudoplatystoma fasciatum*); Cá mùi/Cá hường (*Helostoma temminckii*); Cá mương gai (*Hainania serrata*); Cá mương nam (*Luciosoma setigerum*); Cá nạng hai (*Chitala chitala*); Cá neon (*Paracheirodon innesi*); Cá ngân long (*Osteoglossum bicirrhosum*); Cá ngành (*Cranoglanis boudierius*); Cá ngọc long/Cá rồng Úc (*Scleropages jardinii*); Cá ngũ vân (*Desmopuntius pentazona*); Cá nhếch (*Pisodonophis boro*); Cá nheo Mỹ (*Ictalurus punctatus*); Cá nho chảo (*Sarcocheilichthys nigripinnis*); Cá nóc da báo/ Cá nóc beo (*Dichotomyctere fluviatilis*); Cá nóc dài (*Pao leiurus*); Cá nóc mít (*Pao palembangensis*); Cá ống điều (*Brachygnathus sua*); Cá quan đao (*Geophagus surinamensis*); Cá rầm nam (*Puntius brevis*); Cá rầm xanh (*Bangana lemassoni*); Cá rô biển (*Lobotes surinamensis*); Cá rô đồng (*Anabas testudineus*); Cá sặc bươm (*Trichopodus trichopterus*); Cá sặc điệp/Cá sặc (*Trichopodus microlepis*); Cá sặc gấm (*Colisa lalia*); Cá sặc rần (*Trichogaster pectoralis*); Cá sặc trăn châu (*Trichopodus leerii*); Cá sặc vện (*Nandus nandus*); Cá sóc (*Oryzias latipes*); Cá sơn bầu (*Parambassis wolffii*); Cá sủ đất (*Protonibea diacanthus*); Cá sừ (*Boesemania microlepis*); Cá tai tượng Phi châu (*Astronotus ocellatus*); Cá tai tượng/ Cá phát tài/ Cá hồng phát (*Osphronemus goramy*); Cá tâm Beluga (*Huso huso*); Cá tâm Nga (*Acipenser gueldenstaedtii*); Cá tâm Sterlet (*Acipenser ruthenus*); Cá tâm Trung Hoa (*Acipenser sinensis*); Cá tâm Xibêri (*Acipenser baerii*); Cá thác lác/Cá thác lạt (*Notopterus notopterus*); Cá thái hồ vằn/ Cá hường vện (*Datnioides quadrifasciatus*); Cá thái hồ/Cá hường (*Datnioides microlepis*); Cá thần tiên/ Cá ông tiên (*Pterophyllum scalare*); Cá thanh ngọc (*Trichopsis pumila*); Cá thè be dài (*Acheilognathus tonkinensis*); Cá thè be sông Đáy (*Acheilognathus longibarbus*);

	Cá thieu (<i>Cultrichthys erythropterus</i>); Cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>); Cá trà sọc (<i>Probarbus jullieni</i>); Cá trắng (<i>Coregonus lavaretus</i>); Cá trắng (<i>Barbodes binotatus</i>); Cá trê đen (<i>Clarias fuscus</i>); Cá trê phi (<i>Clarias gariepinus</i>); Cá trê trắng (<i>Clarias batrachus</i>); Cá trê vàng (<i>Clarias macrocephalus</i>); Cá trên bàu (<i>Ompok bimaculatus</i>); Cá trên đá (<i>Kryptopterus cryptopterus</i>); Cá trên lá/Cá trên thủy tinh (<i>Kryptopterus bicirrhis</i>); Cá trên mỡ (<i>Phalacrotonotus apogon</i>); Cá trôi Trường Giang (<i>Prochilodus lineatus</i>); Cá tứ vân (<i>Puntigrus tetrazona</i>); Cá tuyết tiêu/Cá tuyết điêu (<i>Pseudotropheus socolofi</i>); Cá vây đỏ đuôi đỏ/Cá nút (<i>Epalzeorhynchus frenatus</i>); Cá vồ đêm (<i>Pangasius larnaudii</i>); Cá xác sọc (<i>Pangasius nasutus</i>); Cá xâm mắt bé (<i>Opsarius pulchellus</i>); Các loài thuộc Chi cá chuột (<i>Corydoras</i>); Các loài thuộc Chi cá đĩa (<i>Symphysodon</i>); Kuhli loach/Cá chạch suối Kuli; (<i>Pangio kuhlii</i>); Lươn (<i>Monopterus albus</i>).	
	- - - Cá biển khác:	
0301.99.51	- - - - Cá măng biển để nhân giống ^(SEN) Cá măng biển (<i>Chanos chanos</i>);	kg/con
0301.99.52	- - - - Cá mú ^(SEN) : Cá mú (Cá song) chấm đen (<i>Epinephelus malabaricus</i>); Cá mú (Cá song) chấm đỏ (<i>Epinephelus akaara</i>); Cá mú (Cá song) chấm gai (<i>Epinephelus areolatus</i>); Cá mú (Cá song) chấm tổ ong (<i>Epinephelus merra</i>); Cá mú (Cá song) chấm vạch (<i>Epinephelus amblycephalus</i>); Cá mú (Cá song) chấm xanh/Cá mú trắng (<i>Plectropomus leopardus</i>); Cá mú (Cá song) chấm/Cá mú chấm xanh (<i>Epinephelus chlorostigma</i>); Cá mú (Cá song) chuột (<i>Cromileptes altivelis</i>); Cá mú (Cá song) đen chấm nâu (<i>Epinephelus coioides</i>); Cá mú (Cá song) dẹt (<i>Epinephelus bleekeri</i>); Cá mú (Cá song) hoa nâu/ Cá mú cọp (<i>Epinephelus fuscoguttatus</i>); Cá mú (Cá song) lai/Cá mú trăn châu (♂ <i>Epinephelus lanceolatus</i> X ♀ <i>Epinephelus</i>); Cá mú (Cá song) mỡ/Cá mú ruồi (<i>Epinephelus tauvina</i>); Cá mú (Cá song) nghệ (<i>Epinephelus lanceolatus</i>); Cá mú (Cá song) sao (<i>Plectropomus maculatus</i>); Cá mú (Cá song) sáu sọc (<i>Epinephelus sexfasciatus</i>); Cá mú (Cá song) sáu sọc ngang (<i>Epinephelus fasciatus</i>); Cá mú (Cá song) vạch (<i>Epinephelus bruneus</i>); Cá mú vàng nước ngọt/Cá mú Úc (<i>Maccullochella peelii peelii</i>)	kg/con
0301.99.59	- - - - Loại khác: Cá bè quýt/Cá bè vầu/Cá khế vây vàng (<i>Caranx ignobilis</i>); Cá bơn cát (<i>Cynoglossus robustus</i>); Cá bơn mào (<i>Samaris cristatus</i>); Cá bơn ngô (<i>Psettodes erumei</i>); Cá bơn vằn răng to (<i>Pseudorhombus arsius</i>); Cá bơn vôi (<i>Paralichthys olivaceus</i>); Cá bông bớp (<i>Bostrichthys sinensis</i>); Cá bông cau (<i>Butis butis</i>); Cá bông lau (<i>Pangasius krempfi</i>); Cá bông mít (<i>Stigmatogobius sadanundio</i>); Cá bông suối đầu ngắn (<i>Philypnus chalmersi</i>); Cá bớp biển/Cá giò (<i>Rachycentron canadum</i>); Cá bươm be dài (<i>Rhodeus ocellatus</i>); Cá cam thoi (<i>Elagatis bipinnulata</i>); Cá cam vân/Cá cam sọc đen/ Cá cu/Cá bè (<i>Seriolina nigrofasciata</i>); Cá cam/Cá cu/ Cá cam sọc (<i>Seriola dumerili</i>); Cá cam/Cá thuyên/ Cá cu cam/Cá cu cam sọc đen (<i>Naucrates doctor</i>); Cá cẳng ba chấm (<i>Terapon puta</i>); Cá cẳng mõm nhọn (<i>Rhynchopelates oxyrhynchus</i>); Cá cẳng sọc cong (<i>Terapon jarbua</i>); Cá cẳng sọc thẳng (<i>Terapon theraps</i>); Cá chêm/Cá vược (<i>Lates calcarifer</i>); Cá chìa vôi biển (<i>Proteracanthus sarissophorus</i>);	kg/con

	<p>Cá chim (<i>Monodactylus argenteus</i>); Cá chim đen (<i>Parastromateus niger</i>); Cá chim doi bốn sọc (<i>Monodactylus sebae</i>); Cá chim gai (<i>Psenopsis anomala</i>); Cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i>); Cá chim vây vàng (vây lưng ngắn) (<i>Trachinotus falcatus</i>); Cá chuồn cát (<i>Cypselurus poecilopterus</i>); Cá đĩa bông/ Cá đĩa công (<i>Siganus guttatus</i>); Cá đoi mực (<i>Mugil cephalus</i>); Cá đù chấm (<i>Nibea maculate</i>); Cá đù đỏ/ Cá hồng Mỹ (<i>Sciaenops ocellatus</i>); Cá đù trắng/Cá thù lù bạc (<i>Pennahia argentata</i>); Cá dưa xám (<i>Muraenesox cinereus</i>); Cá đục bạc (<i>Sillago sihama</i>); Cá hắc ma quỷ/Cá lông gà (<i>Apteronotus albifrons</i>); Cá hanh vàng/Cá bánh đường ba chấm/Cá tráp vàng (<i>Dentex tumifrons</i>); Cá hề chấm đỏ/Cá hề/Cá gáy (<i>Lethrinus lentjan</i>); Cá hề mõm dài (<i>Lethrinus miniatus</i>); Cá hổ (<i>Trichiurus lepturus</i>); Cá hồng (<i>Lutjanus erythropterus</i>); Cá hồng bạc (<i>Lutjanus argentimaculatus</i>); Cá hồng bốn sọc (<i>Lutjanus kasmira</i>); Cá hồng dải đen (<i>Lutjanus vitta</i>); Cá hồng đỏ (<i>Lutjanus sanguineus</i>); Cá kèo/Cá bóng kèo (<i>Pseudapocryptes lanceolatus</i>); Cá khoai (<i>Harpadon nehereus</i>); Cá khoang cổ (<i>Amphiprion frenatus</i>); Cá khoang cổ nemo (<i>Amphiprion ocellaris</i>); Cá kim song (<i>Xenentodon cancila</i>); Cá lim kim ao (<i>Dermogenys pusilla</i>); Cá lù đù vàng lớn/Cá đồ dạ/ Cá sóc (<i>Larimichthys crocea</i>); Cá măng rô (<i>Toxotes chatareus</i>); Cá măng rô (phun nước, cao xạ) (<i>Toxotes jaculatrix</i>); Cá mặt quỷ/Cá mang êch (<i>Allenbatrachus grunniens</i>); Cá mò cò hoa (<i>Clupanodon thrissa</i>); Cá nâu/Cá nàu (<i>Scatophagus argus</i>); Cá ngừ mắt to (<i>Thunnus obesus</i>); Cá ngừ vây vàng (<i>Thunnus albacares</i>); Cá ngựa chấm (<i>Hampala dispar</i>); Cá ngựa chấm (<i>Hippocampus trimaculatus</i>¹); Cá ngựa đen (<i>Hippocampus kuda</i>¹); Cá ngựa gai (<i>Hippocampus histrix</i>¹); Cá ngựa nam/Cá ngựa vạch (<i>Hampala macrolepidota</i>); Cá ngựa Nhật Bản (<i>Hippocampus mohnikei</i>¹); Cá ngựa thân trắng (<i>Hippocampus kelloggi</i>¹); Cá ngựa vằn (<i>Hippocampus comes</i>¹); Cá ngựa vằn/Cá sọc xanh (<i>Danio rerio</i>); Cá nhệch (<i>Pisodonophis boro</i>); Cá nhụ bốn râu (<i>Eleutheronema tetradactylum</i>); Cá phèn trắng (<i>Polynemus longipectoralis</i>); Cá phèn vàng (<i>Polynemus paradiseus</i>); Cá tráp đen (<i>Acanthopagrus schlegelii</i>); Cá tráp vây vàng (<i>Acanthopagrus latus</i>); Cá vược mõm nhọn (<i>Psammoperca waigiensis</i>)</p>	
0301.99.90	<p>--- Loại khác: Cá măng biển (<i>Chanos chanos</i>); Cá mú (Cá song) chấm đen (<i>Epinephelus malabaricus</i>); Cá mú (Cá song) chấm đỏ (<i>Epinephelus akaara</i>); Cá mú (Cá song) chấm gai (<i>Epinephelus areolatus</i>); Cá mú (Cá song) chấm tổ ong (<i>Epinephelus merra</i>); Cá mú (Cá song) chấm vạch (<i>Epinephelus amblycephalus</i>); Cá mú (Cá song) chấm xanh/Cá mú trắng (<i>Plectropomus leopardus</i>); Cá mú (Cá song) chấm/Cá mú chấm xanh (<i>Epinephelus chlorostigma</i>); Cá mú (Cá song) chuột (<i>Cromileptes altivelis</i>); Cá mú (Cá song) đen chấm nâu (<i>Epinephelus coioides</i>); Cá mú (Cá song) đẹt (<i>Epinephelus bleekeri</i>); Cá mú (Cá song) hoa nâu/ Cá mú cọp (<i>Epinephelus fuscoguttatus</i>); Cá mú (Cá song) lai/Cá mú trăn châu (♂ <i>Epinephelus lanceolatus</i> X ♀ <i>Epinephelus</i>); Cá mú (Cá song) mõ/Cá mú ruồi (<i>Epinephelus tauvina</i>); Cá mú (Cá song) nghệ (<i>Epinephelus lanceolatus</i>); Cá mú (Cá song) sao (<i>Plectropomus maculatus</i>); Cá mú (Cá song) sáu sọc (<i>Epinephelus sexfasciatus</i>); Cá mú (Cá song) sáu sọc ngang (<i>Epinephelus fasciatus</i>); Cá mú (Cá song) vạch (<i>Epinephelus</i>)</p>	kg/con

bruneus); Cá mú vàng nước ngọt/Cá mú Úc (*Maccullochella peelii peelii*); Cá hồi vân (*Oncorhynchus mykiss*); Cá chình châu Âu (*Anguilla Anguilla*); Cá chình hoa (*Anguilla marmorata*); Cá chình mun (*Anguilla bicolor*); Cá chình Nhật Bản (*Anguilla japonica*); Cá chình nhọn (*Anguilla borneensis*); Cá chép (*Cyprinus carpio*); Cá Koi (*Cyprinus carpio rubrofuscus*); Cá lợ thân thấp (*Cyprinus multitaeniatus*); Cá trỡ (*Cyprinus dai*); Cá diếc (*Carassius auratus*); Cá trắm cỏ (*Ctenopharyngodon Idella*); cá mè hoa (*Hypophthalmichthys nobilis*); Cá mè trắng Hoa Nam (*Hypophthalmichthys molitrix*); Cá mè trắng Việt Nam (*Hypophthalmichthys harmandi*); Cá trôi mrigal (*Cirrhinus cirrhosus*); Cá trôi ta (*Cirrhinus molitorella*); Cá trắm đen (*Mylopharyngodon piceus*); Cá trôi Ấn Độ (*Labeo rohita*); Cá ét mọi (*Labeo chrysophekadion*); Cá mè lúi (*Osteochilus vittatus*); Cá chà (*Leptobarbus hoeveni*); Cá vền (*Megalobrama terminalis*); Cá ali (*Sciaenochromis ahli*); Cá anh vũ (*Semilabeo notabilis*); Cá ba lưỡi (*Barbichthys laevis*); Cá ba sa (*Pangasius bocourti*); Cá bã trầu (*Trichopsis vittata*); Cá bạc đầu (*Aplocheilus panchax*); Cá bánh lái/ Cá cánh buồm (*Gymnocorymbus ternetzi*); Cá bảy màu/ Cá không tước (*Poecilia reticulata*); Cá bẻ quýt/Cá bẻ vầu/Cá khế vẩy vàng (*Caranx ignobilis*); Cá bò (*Tachysurus fulvidraco*); Cá bơn cát (*Cynoglossus robustus*); Cá bơn mào (*Samaris cristatus*); Cá bơn ngô (*Psettodes erumei*); Cá bơn vằn răng to (*Pseudorhombus arsius*); Cá bơn vẩy (*Paralichthys olivaceus*); Cá bông (*Spinibarbus denticulatus*); Cá bông bớp (*Bostrichthys sinensis*); Cá bông cát (*Glossogobius giuris*); Cá bông cau (*Butis butis*); Cá bông lau (*Pangasius krempfi*); Cá bông mít (*Stigmatogobius sadanundio*); Cá bông suối đầu ngắn (*Philypnus chalmersi*); Cá bông tượng (*Oxyeleotris marmorata*); Cá bớp biển/Cá giò (*Rachycentron canadum*); Cá bươm be dài (*Rhodeus ocellatus*); Cá bươm be nhỏ (*Acheilognathus elongatoides*); Cá bươm giả (*Pararhodeus kyphus*); Cá bươm sông đáy; (*Acanthorhodeus dayeus*); Cá cam thoi (*Elagatis bipinnulata*); Cá cam vân/Cá cam sọc đen/ Cá cu/Cá bẻ (*Seriolina nigrofasciata*); Cá cam/Cá cu/ Cá cam sọc (*Seriola dumerili*); Cá cam/Cá thuyền/Cá cu cam/Cá cu cam sọc đen (*Naucrates doctor*); Cá cãng ba chắm (*Terapon puta*); Cá cãng mõm nhọn (*Rhynchopelates oxyrhynchus*); Cá cãng sọc cong (*Terapon jarbua*); Cá cãng sọc thẳng (*Terapon theraps*); Cá cầu vòng (*Glossolepis incisus*); Cá chạch bông lớn (*Mastacembelus favus*); Cá chạch bùn/ Cá chạch Đài Loan (*Misgurnus anguillicaudatus*); Cá chạch khoang (*Macrognathus circumcinctus*); Cá chạch lá tre/ Cá chạch gai (*Macrognathus aculeatus*); Cá chạch rằn/Cá chạch lấu (*Macrognathus taeniagaster*); Cá chạch song (*Mastacembelus armatus*); Cá chảnh dục (*Channa gachua*); Cá chát vạch (*Acrossocheilus clivosius*); Cá chày mắt đỏ (*Squaliobarbus curriculus*); Cá chêm/Cá vược (*Lates calcarifer*); Cá chìa vôi biển (*Proteracanthus sarissophorus*); Cá chiên song (*Bagarius yarrelli*); Cá chim (*Monodactylus argenteus*); Cá chim đen (*Parastromateus niger*); Cá chim doi bốn sọc (*Monodactylus sebae*); Cá chim gai (*Psenopsis anomala*); Cá chim trắng (*Pampus argenteus*); Cá chim trắng (*Piaractus brachipomus*); Cá chim trắng cánh (Silver dollar) (*Brachyhalcinus orbicularis*); Cá chim vẩy vàng (*Trachinotus*

blochii); Cá chim vây vàng (vây lưng ngắn) (*Trachinotus falcatus*); Cá chọi/Cá xiêm/Cá phướn (*Betta splendens*); Cá chột (*Mystus gulio*); Cá chột bông (*Pseudomystus siamensis*); Cá chột sọc thường (*Mystus vittatus*); Cá chột vạch (*Mystus mysticetus*); Cá chuỗi hoa (*Channa maculate*); Cá chuỗi/Cá sộp/Cá lóc (*Channa striata*); Cá chuồn bụng sắc (*Parazacco spilurus*); Cá chuồn bụng tròn (*Zacco platypus*); Cá chuồn cát (*Cypselurus poecilopterus*); Cá chuồn hai màu (*Epalzeorhynchus bicolor*); Cá chuồn xiêm (*Crossocheilus oblongus*); Cá cóc (*Cyclocheilichthys enoplos*); Cá cóc đậm (*Cyclocheilichthys apogon*); Cá đầu lân kim tuyến (*Andinoacara pulcher*); Cá đĩa bông/Cá đĩa công (*Siganus guttatus*); Cá diếc nhặng (*Tanichthys albonubes*); Cá diêu hồng (*Oreochromis sp*); Cá đỏ mang (*Systomus orphoides*); Cá đối mực (*Mugil cephalus*); Cá đòng chám (*Enteromius stigmatopygus*); Cá đòng đòng (*Barbodes semifasciolatus*); Cá đòng gai sông Đà (*Puntius takhoaensis*); Cá dù chám (*Nibeia maculate*); Cá dù đỏ/ Cá hồng Mỹ (*Sciaenops ocellatus*); Cá dù trắng/ Cá thù lù bạc (*Pennahia argentata*); Cá dưa xám (*Muraenesox cinereus*); Cá dứa/Cá tra nghệ (*Pangasius kunyit*); Cá đục bạc (*Sillago sihama*); Cá đuôi cờ nhọn (*Pseudosphromenus dayi*); Cá đuôi cờ/Cá thia lia (*Macropodus opercularis*); Cá hắc bạc/Cá chuồn song (*Crossocheilus oblongus*); Cá hắc bố lữ (*Poecilia latipinna*); Cá hắc long (*Osteoglossum ferreirai*); Cá hắc ma quỷ/Cá lông gà (*Apteronotus albifrons*); Cá hanh vàng/Cá bánh đường ba chám/Cá tráp vàng (*Dentex tumifrons*); Cá hè chám đỏ/ Cá hè/Cá gáy (*Lethrinus lentjan*); Cá he đỏ (*Barbonymus schwanefeldii*); Cá he mõm dài (*Lethrinus miniatus*); Cá he vàng (*Barbonymus altus*); Cá heo (*Syncrossus hymenophysa*); Cá heo chám (*Syncrossus beauforti*); Cá heo chân (*Acantopsis dialuzona*); Cá heo hề/ Cá chuột ba sọc (*Chromobotia macracanthus*); Cá heo râu (*Yasuhikotakia morleti*); Cá heo vạch (*Yasuhikotakia modesta*); Cá hô (*Catlocarpio siamensis*); Cá hổ (*Trichiurus lepturus*); Cá hoả khâu (*Thorichthys helleri*); Cá hoà lan râu (*Poecilia sphenops*); Cá hoà lan tròn (*Poecilia velifera*); Cá hoàng đế (*Cichla ocellaris*); Cá hoàng kim (*Thorichthys aureus*); Cá hồng kim/Cá hồng kiếm (*Xiphophorus maculatus*); Cá hoàng tử Phi châu (*Labidochromis caeruleus*); Cá hồng (*Lutjanus erythropterus*); Cá hồng bạc (*Lutjanus argentimaculatus*); Cá hồng bốn sọc (*Lutjanus kasmira*); Cá hồng dải đen (*Lutjanus vitta*); Cá hồng đỏ (*Lutjanus sanguineus*); Cá hồng két (*Amphilophus labiatus* X *Heros severus*); Cá hồng nhung (*Hyphessobrycon callistus*); Cá hồng vĩ (*Phractocephalus hemiliopterus*); Cá hú (*Pangasius conchophilus*); Cá huyết long/ Cá rồng (*Scleropages formosus*); Cá huyết trung hồng (Zebra) (*Maylandia zebra*); Cá kèo/Cá bóng kèo (*Pseudapocryptes lanceolatus*); Cá két (*Phalacrotonus bleekeri*); Cá khoai (*Harpadon nehereus*); Cá khoang cổ (*Amphiprion frenatus*); Cá khoang cổ nemo (*Amphiprion ocellaris*); Cá khủng long bông (*Polypterus ornatipinnis*); Cá khủng long vàng (*Polypterus senegalus*); Cá kim long Úc/ Cá trân châu long (*Scleropages leichardti*); Cá kim song (*Xenentodon cancila*); Cá kim thom bảy màu (*Cichlasoma salvini*); Cá la hán/ Cá trân châu kỳ lân (*Vieja bifasciata*); Cá lăng chám (*Hemibagrus guttatus*); Cá lăng đuôi đỏ (*Hemibagrus wyckioides*); Cá lăng nha; (*Mystus wolffii*); Cá lăng vàng (*Mystus nemurus*); Cá

leo (*Wallago attu*); Cá lim kìm ao (*Dermogenys pusilla*); Cá lóc bông (*Channa micropeltes*); Cá lòng tong (*Esomus danrica*); Cá lòng tong đá (*Rasbora paviana*); Cá lòng tong dị hình (*Trigonostigma heteromorpha*); Cá lòng tong đuôi đỏ (*Rasbora borapetensis*); Cá lòng tong lưng thấp (*Rasbora myersi*); Cá lòng tong mai (*Rasbora argyrotaenia*); Cá lòng tong mương (*Luciosoma bleekeri*); Cá lòng tong sắt (*Esomus metallicus*); Cá lòng tong sọc (*Rasbora trilineata*); Cá lòng tong vạch đỏ (*Rasbora retrodorsalis*); Cá lòng tong/ Cá đuôi đỏ (*Rasbora lateristriata*); Cá lù đù vàng lớn/Cá đỏ dạ/ Cá sóc (*Larimichthys crocea*); Cá mai nam (*Laubuka laubuca*); Cá măng (*Elopichthys bambusa*); Cá măng rô (*Toxotes chatareus*); Cá măng rô (phun nước, cao xạ) (*Toxotes jaculatrix*); Cá mặt quỷ/ Cá mang éch (*Allenbatrachus grunniens*); Cá may (*Gyrinocheilus aymonieri*); Cá mè hôi (*Osteochilus melanopleurus*); Cá mè vinh (*Barbonymus gonionotus*); Cá mỏ vịt (*Pseudoplatystoma fasciatum*); Cá mò cờ hoa (*Clupanodon thrissa*); Cá mùi/Cá hường (*Helostoma temminckii*); Cá mương gai (*Hainania serrata*); Cá mương nam (*Luciosoma setigerum*); Cá nạng hai (*Chitala chitala*); Cá nâu/Cá nàu (*Scatophagus argus*); Cá neon (*Paracheirodon innesi*); Cá ngân long (*Osteoglossum bicirrhosum*); Cá ngành (*Cranoglanis boudierius*); Cá ngọc long/Cá rồng Úc (*Scleropages jardinii*¹); Cá ngừ mắt to (*Thunnus obesus*); Cá ngừ vân (*Desmopuntius pentazona*); Cá ngừ vây vàng (*Thunnus albacares*); Cá ngựa chám (*Hampala dispar*); Cá ngựa chám (*Hippocampus trimaculatus*¹); Cá ngựa đen (*Hippocampus kuda*); Cá ngựa gai (*Hippocampus histrix*¹); Cá ngựa nam/ Cá ngựa vạch (*Hampala macrolepidota*); Cá ngựa Nhật Bản (*Hippocampus mohnikei*¹); Cá ngựa thân trắng (*Hippocampus kelloggi*); Cá ngựa vằn (*Hippocampus comes*¹); Cá ngựa vằn/ Cá sọc xanh (*Danio rerio*); Cá nhệch (*Pisodonophis boro*); Cá nheo Mỹ (*Ictalurus punctatus*); Cá nho chảo (*Sarcocheilichthys nigripinnis*); Cá nhụ bốn râu (*Eleutheronema tetradactylum*); Cá nóc da báo/ Cá nóc beo (*Dichotomyctere fluviatilis*); Cá nóc dài (*Pao leiurus*); Cá nóc mít (*Pao palembangensis*); Cá ống điều (*Brachygobius sua*); Cá phèn trắng (*Polynemus longipectoralis*); Cá phèn vàng (*Polynemus paradiseus*); Cá quan đao (*Geophagus surinamensis*); Cá rầm nam (*Puntius brevis*); Cá rầm xanh (*Bangana lemasoni*); Cá rô biển (*Lobotes surinamensis*); Cá rô đồng (*Anabas testudineus*); Cá rô phi vằn (*Oreochromis niloticus*); Cá rô phi xanh (*Oreochromis aureus*); Cá sặc bươm (*Trichopodus trichopterus*); Cá sặc điệp/Cá sặc (*Trichopodus microlepis*); Cá sặc gấm (*Colisa lalia*); Cá sặc rắn (*Trichogaster pectoralis*); Cá sặc trâu châu (*Trichopodus leerii*); Cá sặc vện (*Nandus nandus*); Cá sóc (*Oryzias latipes*); Cá sơn bầu (*Parambassis wolffii*); Cá sủ đất (*Protonibea diacanthus*); Cá sủ (*Boesemania microlepis*); Cá tai tượng Phi châu (*Astronotus ocellatus*); Cá tai tượng/ Cá phát tài/ Cá hồng phát (*Osphronemus goramy*); Cá tầm Beluga (*Huso huso*¹); Cá tầm Nga (*Acipenser gueldenstaedtii*¹); Cá tầm Sterlet (*Acipenser ruthenus*¹); Cá tầm Trung Hoa (*Acipenser sinensis*¹); Cá tầm Xibêri (*Acipenser baerii*¹); Cá thác lác/Cá thác lát (*Notopterus notopterus*); Cá thái hổ vằn/ Cá hường vện (*Datnioides quadrifasciatus*); Cá thái hổ/Cá hường (*Datnioides microlepis*); Cá thần tiên/ Cá ông tiên (*Pterophyllum*

	<p><i>scalare</i>); Cá thanh ngọc (<i>Trichopsis pumila</i>); Cá thè be dài (<i>Acheilognathus tonkinensis</i>); Cá thè be sông Đáy (<i>Acheilognathus longibarbatu</i>); Cá thiếu (<i>Cultrichthys erythropterus</i>); Cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>); Cá trà sọc (<i>Probarbus jullieni</i>); Cá trắng (<i>Coregonus lavaretus</i>); Cá trắng (<i>Barbodes bimotatus</i>); Cá tráp đen (<i>Acanthopagrus schlegelii</i>); Cá tráp vây vàng (<i>Acanthopagrus latus</i>); Cá trê đen (<i>Clarias fuscus</i>); Cá trê phi (<i>Clarias gariepinus</i>); Cá trê trắng (<i>Clarias batrachus</i>); Cá trê vàng (<i>Clarias macrocephalus</i>); Cá trèn bầu (<i>Ompok bimaculatus</i>); Cá trèn đá (<i>Kryptopterus cryptopterus</i>); Cá trèn lá/Cá trèn thủy tinh (<i>Kryptopterus bicirrhis</i>); Cá trèn mỡ (<i>Phalacronotus apogon</i>); Cá trôi Trường Giang (<i>Prochilodus lineatus</i>); Cá tứ vân (<i>Puntigrus tetrazona</i>); Cá tuyết tiêu/Cá tuyết điêu (<i>Pseudotropheus socolofi</i>); Cá vây đỏ đuôi đỏ/Cá nút (<i>Epalzeorhynchus frenatus</i>); Cá vồ đêm (<i>Pangasius larraudii</i>); Cá vược mõm nhọn (<i>Psammoperca waigiensis</i>); Cá xác sọc (<i>Pangasius nasutus</i>); Cá xảm mắt bé (<i>Opsarius pulchellus</i>); Các loài thuộc Chi cá chuột (<i>Corydoras</i>); Các loài thuộc Chi cá đĩa (<i>Symphysodon</i>); Kuhli loach/Cá chạch suối Kuli (<i>Pangio kuhli</i>); Lươn (<i>Monopterus albus</i>);</p>	
03.06	Động vật giáp xác, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, sống, tươi, ướp lạnh, đông lạnh, làm khô, muối hoặc ngâm nước muối; động vật giáp xác hun khói, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình hun khói; động vật giáp xác chưa bóc mai, vỏ, đã hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đã hoặc chưa ướp lạnh, đông lạnh, làm khô, muối, hoặc ngâm nước muối; bột thô, bột mịn và viên của động vật giáp xác, thích hợp dùng làm thức ăn cho người.	
	- Sống, tươi hoặc ướp lạnh:	
0306.31	- - Tôm hùm đá và các loại tôm biển khác (<i>Palinurus spp.</i> , <i>Panulirus spp.</i> , <i>Jasus spp.</i>): Tôm hùm bông (<i>Panulirus ornatus</i>); Tôm hùm đá (<i>Panulirus Homarus</i>); Tôm hùm đỏ (<i>Panulirus longipes</i>); Tôm hùm lông/Tôm hùm sồi/Tôm hùm mốc (<i>Panulirus stimpsoni</i>); Tôm hùm ma (<i>Panulirus penicillatus</i>); Tôm hùm xám/Tôm hùm tre/Tôm hùm bùn (<i>Panulirus polyphagus</i>); Tôm hùm xanh/Tôm hùm sen/Tôm Hùm vằn (<i>Panulirus versicolor</i>)	
0306.31.10	- - - Để nhân giống	kg
0306.31.20	- - - Loại khác, sống	kg
0306.33.00	- - Cua, ghe: Cua biển (<i>Scylla paramamosain</i>); Cua cà ra (<i>Eriocheir sinensis</i>); Cua đồng (<i>Somanniathelphusa sinensis</i>); Cua hoàng đế (<i>Ranina ranina</i>); Cua xanh/Cua bùn (<i>Scylla serrata</i>); Ghe xanh (<i>Portunus pelagicus</i>);	kg
0306.36	- - Tôm shrimps và tôm prawn loại khác:	
	- - - Để nhân giống:	
0306.36.11	- - - - Tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) ^(SEN)	kg
0306.36.12	- - - - Tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) ^(SEN)	kg
0306.36.13	- - - - Tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) ^(SEN)	kg
0306.36.19	- - - - Loại khác ^(SEN) : Rạm (<i>Varuna litterata</i>); Tôm càng song	kg

	(<i>Macrobrachium nipponense</i>); Tôm he Ấn Độ (<i>Penaeus indicus</i>); Tôm he Nhật Bản (<i>Penaeus japonicus</i>); Tôm mũ ni (<i>Ibacus ciliates</i>); Tôm mũ ni đỏ (<i>Scyllarides squammosus</i>); Tôm mũ ni trắng (<i>Thenus orientalis</i>); Tôm mùa/Tôm lột (<i>Penaeus merguensis</i>); Tôm nướng (<i>Penaeus chinensis</i>); Tôm rảo (<i>Metapenaeus ensis</i>); Tôm thẻ rần (<i>Penaeus semisulcatus</i>); Tôm tít (Bề bề) harpax (<i>Harpiosquilla harpax</i>); Tôm tít (Bề bề) interrupta (<i>Oratosquillina interrupta</i>); Tôm tít (Bề bề) nepa (<i>Miyakella nepa</i>); Tôm tít (Bề bề) woodmasoni (<i>Erugosquilla woodmasoni</i>)	
	- - - Loại khác, sống: (không để nhân giống)	
0306.36.21	- - - - Tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	
0306.36.22	- - - - Tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>)	
0306.36.23	- - - - Tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>)	
0306.36.29	- - - - Loại khác: Rạm (<i>Varuna litterata</i>); Tôm càng song (<i>Macrobrachium nipponense</i>); Tôm he Ấn Độ (<i>Penaeus indicus</i>); Tôm he Nhật Bản (<i>Penaeus japonicus</i>); Tôm mũ ni (<i>Ibacus ciliates</i>); Tôm mũ ni đỏ (<i>Scyllarides squammosus</i>); Tôm mũ ni trắng (<i>Thenus orientalis</i>); Tôm mùa/Tôm lột (<i>Penaeus merguensis</i>); Tôm nướng (<i>Penaeus chinensis</i>); Tôm rảo (<i>Metapenaeus ensis</i>); Tôm thẻ rần (<i>Penaeus semisulcatus</i>); Tôm tít (Bề bề) harpax (<i>Harpiosquilla harpax</i>); Tôm tít (Bề bề) interrupta (<i>Oratosquillina interrupta</i>); Tôm tít (Bề bề) nepa (<i>Miyakella nepa</i>); Tôm tít (Bề bề) woodmasoni (<i>Erugosquilla woodmasoni</i>)	
03.07	Động vật thân mềm, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, sống, tươi, ướp lạnh, đông lạnh, làm khô, muối hoặc ngâm nước muối; động vật thân mềm hun khói, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình hun khói; bột mịn, bột thô và viên của động vật thân mềm, thích hợp dùng làm thức ăn cho người.	
	- Hàu: Hàu/hàu Belchery (<i>Crassostrea belcheri</i>); Hàu/hàu cửa sông (<i>Crassostrea rivularis</i>); Hàu/hàu Thái Bình Dương (<i>Crassostrea gigas</i>)	
0307.11	- - Sống, tươi hoặc ướp lạnh:	
0307.11.10	- - - Sống	kg
0307.11.20	- - - Tươi hoặc ướp lạnh	kg
0307.19	- - Loại khác:	
03071920	- - - Khô, muối hoặc ngâm nước muối	
03071930	- - - Hun khói	
	- Điệp, kể cả điệp nữ hoàng, thuộc giống: Điệp (<i>Chlamys nobilis</i>); Điệp quạt (<i>Mimachlamys crassicostata</i>)	
0307.21	- - Sống, tươi hoặc ướp lạnh:	
0307.21.10	- - - Sống	kg
0307.21.20	- - - Tươi hoặc ướp lạnh	kg
0307.29	- - Loại khác:	

0307.29.30	- - - Khô, muối hoặc ngâm nước muối	
03.07.29.40	- - - Hun khói	
	- Vẹm: Vẹm xanh (<i>Perna viridis</i>)	
0307.31	- - Sống, tươi hoặc ướp lạnh:	
0307.31.10	- - - Sống	kg
0307.31.20	- - - Tươi hoặc ướp lạnh	kg
0307.39	- - Loại khác:	
0307.39.30	- - - Khô, muối hoặc ngâm nước muối	
0307.39.40	- - - Hun khói	
	- Mực nang và mực ống:	
0307.42	- - Sống, tươi hoặc ướp lạnh:	
	- - - Sống:	
0307.42.11	- - - - Mực nang: Mực lá (<i>Sepioteuthis lessoniana</i>); Mực ống Trung Hoa (<i>Uroteuthis (Photololigo) chinensis</i>)	kg
0307.42.19	- - - - Loại khác: Mực nang vân hổ (<i>Sepia pharaonis</i>)	kg
0307.60	- Ốc, trừ ốc biển: Ốc nhồi (<i>Pila polita</i>)	
0307.60.10	- - Sống	kg
0307.60.20	- - Tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh	kg
	- Nghêu (ngao), sò: Ngao (Nghêu) Bến Tre (<i>Meretrix lyrate</i>); Ngao (Nghêu) dầu (<i>Meretrix meretrix</i>); Ngao (Nghêu) Lua (<i>Paratapes undulates</i>); Ngao Bốn cạnh (Vọp) (<i>Mactra quadrangularis</i>); Ngao giả (<i>Tapes literatus</i>); Ngao hai cùi (<i>Tapes dorsatus</i>); Ngao ô vuông (<i>Periglypta puerpera</i>); Sò huyết (<i>Tegillarca granosa</i>); Sò lông (<i>Anadara subcrenata</i>); Sò Nodi (<i>Tegillarca nodifera</i>);	
0307.71	- - Sống, tươi hoặc ướp lạnh:	
0307.71.10	- - - Sống	kg
0307.71.20	- - - Tươi hoặc ướp lạnh	kg
	- Bào ngư (<i>Haliotis spp.</i>) và ốc nhảy (<i>Strombus spp.</i>):	
0307.81	- - Bào ngư sống, tươi hoặc ướp lạnh: Bào ngư bầu dục (<i>Haliotis ovina</i>); Bào ngư chín lỗ/Cửu khổng (<i>Haliotis diversicolor</i>); Bào ngư vành tai (<i>Haliotis asinina</i>);	
0307.81.10	- - - Sống	kg
0307.81.20	- - - Tươi hoặc ướp lạnh	kg
	- Loại khác, kể cả bột mịn, bột thô và viên, thích hợp dùng làm thức ăn cho người: Bàn mai (<i>Atrina pectinata</i>); Ngán (<i>Austriella corrugate</i>); Ốc đá/Ốc màu/Ốc Labi (<i>Monodonta labio</i>); Ốc đĩa/Ốc đê đen (<i>Nerita balteata</i>); Ốc gạo (<i>Assiminea lutea</i>); Ốc hương (<i>Babylonia areolate</i>); Ốc len (<i>Cerithidea obtuse</i>); Trai cánh mỏng; (<i>Cristaria plicata</i>); Trai cánh xanh (<i>Sinohyriopsis cumingii</i>); Trai cóc (traï com) (<i>Lamprotula leaii</i>); Trai ngọc môi đen (<i>Pinctada margaritifera</i>); Trai ngọc môi vàng/Trai tai tượng (<i>Pinctada maxima</i>); Trai ngọc nữ (<i>Pteria penguin</i>); Trai ngọc	

	trắng/Trai mã thị (<i>Pinctada martensii</i>);Trai song (<i>Sinanodonta elliptica</i>);Trai tai nghé (<i>Tridacna squamosa</i> ¹);Trai tai tượng lớn (<i>Tridacna maxima</i> ¹);Trai tai tượng vàng nghé (<i>Tridacna crocea</i> ¹);Tu hải (<i>Lutraria rhynchaena</i>);Vọp (<i>Geloina expansa</i>);Các loài thuộc Họ ốc móng tay (<i>Solenidae</i>)	
0307.91	-- Sống, tươi hoặc ướp lạnh:	
0307.91.10	--- Sống	kg
0307.91.20	--- Tươi hoặc ướp lạnh	kg
03.08	Động vật thủy sinh không xương sống trừ động vật giáp xác và động vật thân mềm, sống, tươi, ướp lạnh, đông lạnh, làm khô, muối hoặc ngâm nước muối; động vật thủy sinh không xương sống hun khói trừ động vật giáp xác và động vật thân mềm, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình hun khói; bột mịn, bột thô và viên của động vật thủy sinh không xương sống trừ động vật giáp xác và động vật thân mềm, thích hợp dùng làm thức ăn cho người.	
	- Hải sâm (<i>Stichopus japonicus</i> , <i>Holothurioidea</i> / <i>Holothuroidea</i>): Hải sâm (<i>Apostichopus japonicus</i>);Hải sâm cát/Đồn đột (<i>Holothuria scabra</i>);Hải sâm đen/Đồn đột đen (<i>Holothuria atra</i>);Hải sâm đen mềm (<i>Holothuria leucospilota</i>);Hải sâm lựu (<i>Theleota ananas</i>);Hải sâm mít/Đồn đột mít (<i>Actinopyga echinites</i>);Hải sâm mít hoa/Đồn đột dừa (<i>Actinopyga mauritiana</i>);Hải sâm vú (<i>Holothuria nobilis</i>)	
0308.11	-- Sống, tươi hoặc ướp lạnh:	
0308.11.10	--- Sống	kg
0308.11.20	--- Tươi hoặc ướp lạnh	kg
	- Cầu gai: Cầu gai/Nhím biển (<i>Hemicentrotus pulcherrimus</i>); Cầu gai đá/Nhum đá (<i>Heterocentrotus mammillatus</i>)	
0308.21	-- Sống, tươi hoặc ướp lạnh:	
0308.21.10	--- Sống	kg
0308.21.20	--- Tươi hoặc ướp lạnh	kg
0308.90	- Loại khác: Cầu gai đen (<i>Diadema setosum</i>);Cầu gai sọ dừa/Nhum sọ (<i>Tripneustes gratilla</i>);Cầu gai tím (<i>Heliocidaris crassispina</i>);Giun nhiều tơ/Rươi biển/Dời biển (<i>Perineis nuntia</i> var. <i>brevicirris</i>);Rươi (<i>Tylorrhynchus heterochaetus</i>);Sá sùng/Trùng biển/Sâu đất (<i>Sipunculus nudus</i>); Các loài san hô mềm (<i>Alcyonium</i> sp.); Các loài san hô mềm (<i>Nephthea</i> sp.); Các loài san hô mềm (<i>Pachyclavularia</i> sp.); Các loài san hô mềm (<i>Sarcophyton</i> sp.); Các loài san hô nấm mềm (<i>Discosoma</i> sp.); Các loài san hô nấm mềm (<i>Rhodatis</i> sp.); Các loài san hô nút áo (<i>Zoanthus</i> sp.)	
0308.90.10	-- Sống	kg
0308.90.20	-- Tươi hoặc ướp lạnh	kg
05.08	San hô và các chất liệu tương tự, chưa xử lý hoặc đã sơ chế nhưng chưa gia công thêm; mai, vỏ động vật thân mềm, động vật giáp xác hoặc động vật da gai và mai mực, chưa xử lý hoặc đã sơ chế nhưng chưa cắt thành hình, bột và phế liệu từ các sản phẩm trên.	

0508.00.20	- Mai, vỏ động vật thân mềm, động vật giáp xác hoặc động vật da gai	kg
0508.00.90	- Loại khác: Cầu gai đen (<i>Diadema setosum</i>); Cầu gai sọ dừa/Nhum sọ (<i>Tripneustes gratilla</i>); Cầu gai tím (<i>Heliocidaris crassispina</i>); Giun nhiều tơ/Rươi biển/Dời biển (<i>Perineis nuntia var. brevicirris</i>); Rươi (<i>Tylorrhynchus heterochaetus</i>); Sá sùng/Trùng biển/Sâu đất (<i>Sipunculus nudus</i>); Các loài san hô mềm (<i>Alcyonium</i> sp.); Các loài san hô mềm (<i>Nephthea</i> sp.); Các loài san hô mềm (<i>Pachyclavularia</i> sp.); Các loài san hô mềm (<i>Sarcophyton</i> sp.); Các loài san hô nấm mềm (<i>Discosoma</i> sp.); Các loài san hô nấm mềm (<i>Rhodatis</i> sp.); Các loài san hô nút áo (<i>Zoanthus</i> sp.)	kg
05.11	Các sản phẩm động vật khác chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; động vật chết thuộc Chương 1 hoặc Chương 3, không thích hợp sử dụng cho người.	
	- Loại khác:	
0511.91	- - Sản phẩm từ cá hoặc động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác; động vật đã chết thuộc Chương 3:	
0511.91.10	- - - Sẹ và bọc trứng: Cá măng biển (<i>Chanos chanos</i>); Cá mú (Cá song) chấm đen (<i>Epinephelus malabaricus</i>); Cá mú (Cá song) chấm đỏ (<i>Epinephelus akaara</i>); Cá mú (Cá song) chấm gai (<i>Epinephelus areolatus</i>); Cá mú (Cá song) chấm tổ ong (<i>Epinephelus merra</i>); Cá mú (Cá song) chấm vạch (<i>Epinephelus amblycephalus</i>); Cá mú (Cá song) chấm xanh/Cá mú trắng (<i>Plectropomus leopardus</i>); Cá mú (Cá song) chấm/Cá mú chấm xanh (<i>Epinephelus chlorostigma</i>); Cá mú (Cá song) chuột (<i>Cromileptes altivelis</i>); Cá mú (Cá song) đen chấm nâu (<i>Epinephelus coioides</i>); Cá mú (Cá song) dẹt (<i>Epinephelus bleekeri</i>); Cá mú (Cá song) hoa nâu/ Cá mú cọp (<i>Epinephelus fuscoguttatus</i>); Cá mú (Cá song) lai/Cá mú trần châu (♂ <i>Epinephelus lanceolatus</i> X ♀ <i>Epinephelus</i>); Cá mú (Cá song) mỡ/Cá mú ruồi (<i>Epinephelus tauvina</i>); Cá mú (Cá song) nghệ (<i>Epinephelus lanceolatus</i>); Cá mú (Cá song) sao (<i>Plectropomus maculatus</i>); Cá mú (Cá song) sáu sọc (<i>Epinephelus sexfasciatus</i>); Cá mú (Cá song) sáu sọc ngang (<i>Epinephelus fasciatus</i>); Cá mú (Cá song) vạch (<i>Epinephelus bruneus</i>); Cá mú vàng nước ngọt/Cá mú Úc (<i>Maccullochella peelii peelii</i>); Cá hồi vân (<i>Oncorhynchus mykiss</i>); Cá chình châu Âu (<i>Anguilla Anguilla</i> ¹); Cá chình hoa (<i>Anguilla marmorata</i>); Cá chình mun (<i>Anguilla bicolor</i>); Cá chình Nhật Bản (<i>Anguilla japonica</i>); Cá chình nhọn (<i>Anguilla borneensis</i>); Cá chép (<i>Cyprinus carpio</i>); Cá Koi (<i>Cyprinus carpio rubrofuscus</i>); Cá lợ thân thấp (<i>Cyprinus multitaeniatus</i>); Cá trử (<i>Cyprinus dai</i>); Cá diếc (<i>Carassius auratus</i>); Cá trắm cỏ (<i>Ctenopharyngodon Idella</i>); cá mè hoa (<i>Hypophthalmichthys nobilis</i>); Cá mè trắng Hoa Nam (<i>Hypophthalmichthys molitrix</i>); Cá mè trắng Việt Nam (<i>Hypophthalmichthys harmandi</i>); Cá trôi mrigal (<i>Cirrhinus cirrhosus</i>); Cá trôi ta (<i>Cirrhinus molitorella</i>); Cá trắm đen (<i>Mylopharyngodon piceus</i>); Cá trôi Ấn Độ (<i>Labeo rohita</i>); Cá ét mọi (<i>Labeo chrysophekadion</i>); Cá mè lúi (<i>Osteochilus vittatus</i>); Cá chà (<i>Leptobarbus hoeveni</i>); Cá vền (<i>Megalobrama terminalis</i>); Cá ali (<i>Sciaenochromis ahli</i>); Cá anh vũ (<i>Semilabeo notabilis</i>); Cá ba lưỡ (<i>Barbichthys laevis</i>); Cá ba sa (<i>Pangasius bocourti</i>); Cá bã trầu	kg

(*Trichopsis vittata*); Cá bạc đầu (*Aplocheilus panchax*); Cá bánh lái/ Cá cánh buồm (*Gymnocorymbus ternetzi*); Cá bảy màu/ Cá không tước (*Poecilia reticulata*); Cá bè quýt/Cá bè vầu/Cá khế vây vàng (*Caranx ignobilis*); Cá bò *Tachysurus fulvidraco*); Cá bơn cát (*Cynoglossus robustus*); Cá bơn mào (*Samaris cristatus*); Cá bơn ngô (*Psettodes erumei*); Cá bơn vằn răng to (*Pseudorhombus arsius*); Cá bơn vôi (*Paralichthys olivaceus*); Cá bông (*Spinibarbus denticulatus*); Cá bông bớp (*Bostrichthys sinensis*); Cá bông cát (*Glossogobius giuris*); Cá bông cau (*Butis butis*); Cá bông lau (*Pangasius krempfi*); Cá bông mít (*Stigmatogobius sadanundio*); Cá bông suôi đầu ngắn (*Philypnus chalmersi*); Cá bông tượng (*Oxyeleotris marmorata*); Cá bớp biển/Cá giò (*Rachycentron canadum*); Cá bướm be dài (*Rhodeus ocellatus*); Cá bướm be nhỏ (*Acheilognathus elongatoides*); Cá bướm giả (*Pararhodeus kyphus*); Cá bướm sông đáy; (*Acanthorhodeus dayeus*); Cá cam thoi (*Elagatis bipinnulata*); Cá cam vân/Cá cam sọc đen/ Cá cu/Cá bè (*Seriolina nigrofasciata*); Cá cam/Cá cu/ Cá cam sọc (*Seriola dumerili*); Cá cam/Cá thuyên/Cá cu cam/Cá cu cam sọc đen (*Naucrates doctor*); Cá cãng ba chằm (*Terapon puta*); Cá cãng mõm nhọn (*Rhynchopelates oxyrhynchus*); Cá cãng sọc cong (*Terapon jarbua*); Cá cãng sọc thẳng (*Terapon theraps*); Cá cầu vòng (*Glossolepis incisus*); Cá chạch bông lớn (*Mastacembelus favus*); Cá chạch bùn/ Cá chạch Đai Loan (*Misgurnus anguillicaudatus*); Cá chạch khoang (*Macragnathus circumcinctus*); Cá chạch lá tre/ Cá chạch gai (*Macragnathus aculeatus*); Cá chạch rần/Cá chạch lấu (*Macragnathus taeniagaster*); Cá chạch song (*Mastacembelus armatus*); Cá chành dục (*Channa gachua*); Cá chát vạch (*Acrossocheilus clivosius*); Cá chày mắt đỏ (*Squaliobarbus curriculus*); Cá chêm/Cá vược (*Lates calcarifer*); Cá chìa vôi biển (*Proteracanthus sarissophorus*); Cá chiêm sông (*Bagarius yarrelli*); Cá chim (*Monodactylus argenteus*); Cá chim đen (*Parastromateus niger*); Cá chim doi bốn sọc (*Monodactylus sebae*); Cá chim gai (*Psenopsis anomala*); Cá chim trắng (*Pampus argenteus*); Cá chim trắng (*Piaractus brachypomus*); Cá chim trắng cánh (Silver dollar) (*Brachyhalcinus orbicularis*); Cá chim vây vàng (*Trachinotus blochii*); Cá chim vây vàng (vây lưng ngắn) (*Trachinotus falcatus*); Cá chọi/Cá xiêm/Cá phướn (*Betta splendens*); Cá chột (*Mystus gulio*); Cá chột bông (*Pseudomystus siamensis*); Cá chột sọc thường (*Mystus vittatus*); Cá chột vạch (*Mystus mysticetus*); Cá chuối hoa (*Channa maculate*); Cá chuối/Cá sộp/Cá lóc (*Channa striata*); Cá chuồn bụng sắc (*Parazacco spilurus*); Cá chuồn bụng tròn (*Zacco platypus*); Cá chuồn cát (*Cypselurus poecilopterus*); Cá chuồn hai màu (*Epalzeorhynchus bicolor*); Cá chuồn xiêm (*Crossocheilus oblongus*); Cá cóc (*Cyclocheilichthys enoplos*); Cá cóc đậm (*Cyclocheilichthys apogon*); Cá đầu lân kim tuyến (*Andinoacara pulcher*); Cá dià bông/Cá dià công (*Siganus guttatus*); Cá diếc nhặng (*Tanichthys albonubes*); Cá diêu hồng (*Oreochromis sp*); Cá đỏ mang (*Systomus orphoides*); Cá đôi mực (*Mugil cephalus*); Cá đong chằm (*Enteromius stigmatopygus*); Cá đong đong (*Barbodes semifasciolatus*); Cá đong gai sông Đà (*Puntius takhoaensis*); Cá đu chằm (*Nibeia maculate*); Cá đu đỏ/ Cá hồng Mỹ (*Sciaenops ocellatus*); Cá đu trắng/ Cá thù lù bạc (*Pennahia argentata*); Cá dưa

xám (*Muraenesox cinereus*); Cá dứa/Cá tra nghệ (*Pangasius kunyit*); Cá đục bạc (*Sillago sihama*); Cá đuôi cò nhọn (*Pseudosphromenus dayi*); Cá đuôi cò/Cá thia lia (*Macropodus opercularis*); Cá hắc bạc/Cá chuồn song (*Crossocheilus oblongus*); Cá hắc bố lữ (*Poecilia latipinna*); Cá hắc long (*Osteoglossum ferreirai*); Cá hắc ma quỷ/Cá lông gà (*Apteronotus albifrons*); Cá hanh vàng/Cá bánh đường ba chấu/Cá tráp vàng (*Dentex tumifrons*); Cá hề chấu đỏ/ Cá hề/Cá gáy (*Lethrinus lentjan*); Cá he đỏ (*Barbonymus schwanenfeldii*); Cá hề mõm dài (*Lethrinus miniatus*); Cá he vàng (*Barbonymus altus*); Cá heo (*Syncrossus hymenophysa*); Cá heo chấu (*Syncrossus beauforti*); Cá heo chân (*Acantopsis dialuzona*); Cá heo hề/ Cá chuột ba sọc (*Chromobotia macracanthus*); Cá heo râu (*Yasuhikotakia morleti*); Cá heo vạch (*Yasuhikotakia modesta*); Cá hô (*Catlocarpio siamensis*); Cá hổ (*Trichiurus lepturus*); Cá hoả khẩu (*Thorichthys helleri*); Cá hoà lan râu (*Poecilia sphenops*); Cá hoà lan tròn (*Poecilia velifera*); Cá hoàng đế (*Cichla ocellaris*); Cá hoàng kim (*Thorichthys aureus*); Cá hồng kim/Cá hồng kiếm (*Xiphophorus maculatus*); Cá hoàng tử Phi châu (*Labidochromis caeruleus*); Cá hồng (*Lutjanus erythropterus*); Cá hồng bạc (*Lutjanus argentimaculatus*); Cá hồng bốn sọc (*Lutjanus kasmira*); Cá hồng dải đen (*Lutjanus vitta*); Cá hồng đỏ (*Lutjanus sanguineus*); Cá hồng két (*Amphilophus labiatus X Heros severus*); Cá hồng nhung (*Hyphessobrycon callistus*); Cá hồng vĩ (*Phractocephalus hemioliopterus*); Cá hú (*Pangasius conchophilus*); Cá huyết long/ Cá rồng (*Scleropages formosus*); Cá huyết trung hồng (Zebra) (*Maylandia zebra*); Cá kèo/Cá bóng kèo (*Pseudapocryptes lanceolatus*); Cá két (*Phalacrotonus bleekeri*); Cá khoai (*Harpadon nehereus*); Cá khoang cổ (*Amphiprion frenatus*); Cá khoang cổ nemo (*Amphiprion ocellaris*); Cá khủng long bông (*Polypterus ornatipinnis*); Cá khủng long vàng (*Polypterus senegalus*); Cá kim long Úc/ Cá trăn châu long (*Scleropages leichardti*); Cá kim song (*Xenentodon cancila*); Cá kim thom bảy màu (*Cichlasoma salvini*); Cá la hán/ Cá trăn châu kỳ lân (*Vieja bifasciata*); Cá lăng chấu (*Hemibagrus guttatus*); Cá lăng đuôi đỏ (*Hemibagrus wyckioides*); Cá lăng nha; (*Mystus wolffii*); Cá lăng vàng (*Mystus nemurus*); Cá leo (*Wallago attu*); Cá lim kìm ao (*Dermogenys pusilla*); Cá lóc bông (*Channa micropeltes*); Cá lòng tong (*Esomus danrica*); Cá lòng tong đá (*Rasbora paviana*); Cá lòng tong dị hình (*Trigonostigma heteromorpha*); Cá lòng tong đuôi đỏ (*Rasbora borapetensis*); Cá lòng tong lưng thấp (*Rasbora myersi*); Cá lòng tong mai (*Rasbora argyrotaenia*); Cá lòng tong nương (*Luciosoma bleekeri*); Cá lòng tong sắt (*Esomus metallicus*); Cá lòng tong sọc (*Rasbora trilineata*); Cá lòng tong vạch đỏ (*Rasbora retrodorsalis*); Cá lòng tong/ Cá đuôi đỏ (*Rasbora lateristriata*); Cá lù đù vàng lớn/Cá đỏ dạ/ Cá sóc (*Larimichthys crocea*); Cá mai nam (*Laubuka laubuca*); Cá măng (*Elopichthys bambusa*); Cá măng rỏ (*Toxotes chatareus*); Cá măng rỏ (phun nước, cao xạ) (*Toxotes jaculatrix*); Cá mặt quỷ/ Cá mang ếch (*Allenbatrachus grunniens*); Cá may (*Gyrinocheilus aymonieri*); Cá mè hôi (*Osteochilus melanopleurus*); Cá mè vinh (*Barbonymus gonionotus*); Cá mỏ vịt (*Pseudoplatystoma fasciatum*); Cá môi cờ hoa (*Clupanodon thrissa*); Cá mùi/Cá hường (*Helostoma temminckii*); Cá nương gai (*Hainania serrata*); Cá

mương nam (*Luciosoma setigerum*); Cá nạng hai (*Chitala chitala*);
 Cá nâu/Cá nàu (*Scatophagus argus*); Cá neon (*Paracheirodon innesi*);
 Cá ngân long (*Osteoglossum bicirrhosum*); Cá ngành (*Cranoglanis boudierius*);
 Cá ngọc long/Cá rồng Úc (*Scleropages jardinii*¹); Cá ngừ mắt to (*Thunnus obesus*);
 Cá ngừ vân (*Desmopuntius pentazona*); Cá ngừ vây vàng (*Thunnus albacares*);
 Cá ngựa chằm (*Hampala dispar*); Cá ngựa chằm (*Hippocampus trimaculatus*¹);
 Cá ngựa đen (*Hippocampus kuda*); Cá ngựa gai (*Hippocampus histrix*);
 Cá ngựa nam/ Cá ngựa vạch (*Hampala macrolepidota*); Cá ngựa Nhật Bản (*Hippocampus mohnikei*¹);
 Cá ngựa thân trắng (*Hippocampus kelloggi*¹); Cá ngựa vằn (*Hippocampus comes*¹);
 Cá ngựa vằn/ Cá sọc xanh (*Danio rerio*); Cá nhệch (*Pisodonophis boro*);
 Cá nheo Mỹ (*Ictalurus punctatus*); Cá nhỏ chảo (*Sarcocheilichthys nigripinnis*);
 Cá nhụ bốn râu (*Eleutheronema tetradactylum*); Cá nóc da báo/ Cá nóc beo
 (*Dichotomyctere fluviatilis*); Cá nóc dài (*Pao leiurus*); Cá nóc mít
 (*Pao palembangensis*); Cá ống điều (*Brachygobius sua*); Cá phèn
 trắng (*Polynemus longipectoralis*); Cá phèn vàng (*Polynemus paradiseus*);
 Cá quan đao (*Geophagus surinamensis*); Cá rầm nam
 (*Puntius brevis*); Cá rầm xanh (*Bangana lemassoni*); Cá rô biển
 (*Lobotes surinamensis*); Cá rô đồng (*Anabas testudineus*); Cá rô phi
 vằn (*Oreochromis niloticus*); Cá rô phi xanh (*Oreochromis aureus*);
 Cá sặc bươm (*Trichopodus trichopterus*); Cá sặc điệp/Cá sặc
 (*Trichopodus microlepis*); Cá sặc gấm (*Colisa lalia*); Cá sặc rần
 (*Trichogaster pectoralis*); Cá sặc trăn châu (*Trichopodus leerii*); Cá
 sặc vện (*Nandus nandus*); Cá sóc (*Oryzias latipes*); Cá sơn bầu
 (*Parambassis wolffii*); Cá sủ đất (*Protonibea diacanthus*); Cá sủ
 (*Boesemania microlepis*); Cá tai tượng Phi châu (*Astronotus ocellatus*);
 Cá tai tượng/ Cá phát tài/ Cá hồng phát (*Osphronemus goramy*);
 Cá tầm Beluga (*Huso huso*¹); Cá tầm Nga (*Acipenser gueldenstaedtii*¹);
 Cá tầm Sterlet (*Acipenser ruthenus*¹); Cá tầm Trung Hoa
 (*Acipenser sinensis*¹); Cá tầm Xibêri (*Acipenser baerii*¹);
 Cá thác lác/Cá thác lát (*Notopterus notopterus*); Cá thái hổ vằn/ Cá
 hường vện (*Datnioides quadrifasciatus*); Cá thái hổ/Cá hường
 (*Datnioides microlepis*); Cá thần tiên/ Cá ông tiên (*Pterophyllum scalare*);
 Cá thanh ngọc (*Trichopsis pumila*); Cá thè be dài
 (*Acheilognathus tonkinensis*); Cá thè be sông Đáy (*Acheilognathus longibarbatus*);
 Cá thiếu (*Cultrichthys erythropterus*); Cá tra
 (*Pangasianodon hypophthalmus*); Cá trà sọc (*Probarbus jullieni*);
 Cá trắng (*Coregonus lavaretus*); Cá trắng (*Barbodes binotatus*); Cá
 tráp đen (*Acanthopagrus schlegelii*); Cá tráp vây vàng
 (*Acanthopagrus latus*); Cá trê đen (*Clarias fuscus*); Cá trê phi
 (*Clarias gariepinus*); Cá trê trắng (*Clarias batrachus*); Cá trê vàng
 (*Clarias macrocephalus*); Cá trèn bầu (*Ompok bimaculatus*); Cá trèn
 đá (*Kryptopterus cryptopterus*); Cá trèn lá/Cá trèn thủy tinh
 (*Kryptopterus bicirrhis*); Cá trèn mỡ (*Phalacrotonotus apogon*); Cá
 trôi Trường Giang (*Prochilodus lineatus*); Cá tứ vân (*Puntigrus tetrazona*);
 Cá tuyết tiêu/Cá tuyết điều (*Pseudotropheus socolofi*);
 Cá vây đỏ đuôi đỏ/Cá nút (*Epalzeorhynchus frenatus*); Cá vồ đém
 (*Pangasius larnaudii*); Cá vược mõm nhọn (*Psammoperca waigiensis*);
 Cá xác sọc (*Pangasius nasutus*); Cá xảm mắt bé
 (*Opsarius pulchellus*); Các loài thuộc Chi cá chuột (*Corydoras*); Các

loài thuộc Chi cá đũa (*Symphysodon*); Kuhli loach/Cá chạch suối Kuli (*Pangio kuhlii*); Lươn (*Monopterus albus*); Cua biển (*Scylla paramamosain*); Cua cà ra (*Eriocheir sinensis*); Cua đồng (*Somanniathelphusa sinensis*); Cua hoàng đế (*Ranina ranina*); Cua xanh/Cua bùn (*Scylla serrata*); Ghẹ xanh (*Portunus pelagicus*); Rạm (*Varuna litterata*); Tôm càng song (*Macrobrachium nipponense*); Tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*); Tôm he Ấn Độ (*Penaeus indicus*); Tôm he Nhật Bản (*Penaeus japonicus*); Tôm hùm bông (*Panulirus ornatus*); Tôm hùm đá (*Panulirus homarus*); Tôm hùm đỏ (*Panulirus longipes*); Tôm hùm lông/Tôm hùm sỏi/Tôm hùm mốc (*Panulirus stimpsoni*); Tôm hùm ma (*Panulirus penicillatus*); Tôm hùm xám/Tôm hùm tre/Tôm hùm bùn (*Panulirus polyphagus*); Tôm hùm xanh/Tôm hùm sen/Tôm Hùm vằn (*Panulirus versicolor*); Tôm mũ ni (*Ibacus ciliatus*); Tôm mũ ni đỏ (*Scyllarides squammosus*); Tôm mũ ni trắng (*Thenus orientalis*); Tôm mùa/Tôm lột (*Penaeus merguensis*); Tôm nướng (*Penaeus chinensis*); Tôm rào (*Metapenaeus ensis*); Tôm sủ (*Penaeus monodon*); Tôm thẻ chân trắng (*Lipopenaeus vannamei*); Tôm thẻ rằn (*Penaeus semisulcatus*); Tôm tít (Bè bè) harpax (*Harpisquilla harpax*); Tôm tít (Bè bè) interrupta (*Oratosquilla interrupta*); Tôm tít (Bè bè) nepa (*Miyakella nepa*); Tôm tít (Bè bè) woodmasoni (*Erugosquilla woodmasoni*); Bàn mai (*Atrina pectinate*); Bào ngư bầu dục (*Haliotis ovina*); Bào ngư chín lỗ/Cừu khổng (*Haliotis diversicolor*); Bào ngư vành tai (*Haliotis asinina*); Điệp (*Chlamys nobilis*); Điệp quạt (*Mimachlamys crassicostata*); Hàu Belchery (*Crassostrea belcheri*); Hàu cửa song (*Crassostrea rivularis*); Hàu Thái Bình Dương (*Crassostrea gigas*); Mực lá (*Sepioteuthis lessoniana*); Mực nang vân hồ (*Sepia pharaonis*); Mực ống Trung Hoa (*Uroteuthis (Photololigo) chinensis*); Ngán (*Austriella corrugata*); Ngao (Nghêu) Bến Tre (*Meretrix lyrata*); Ngao (Nghêu) dầu (*Meretrix meretrix*); Ngao (Nghêu) Lụa (*Paratapes undulatus*); Ngao Bốn cạnh (Vọp) (*Mactra quadrangularis*); Ngao giá (*Tapes literatus*); Ngao hai cùi (*Tapes dorsatus*); Ngao ô vuông (*Periglypta puerpera*); Ốc đá/Ốc màu/Ốc Labi (*Monodonta labio*); Ốc đũa/Ốc đẽ đen (*Nerita balteata*); Ốc gạo (*Assiminea lutea*); Ốc hương (*Babylonia areolate*); Ốc len (*Cerithidea obtuse*); Ốc nhồi (*Pila polita*); Sò huyết (*Tegillarca granosa*); Sò lông (*Anadara subcrenata*); Sò Nodi (*Tegillarca nodifera*); Trai cánh mỏng (*Cristaria plicata*); Trai cánh xanh (*Sinohyriopsis cumingii*); Trai cóc (traï com) (*Lamprotula leaii*); Trai ngọc môi đen (*Pinctada margaritifera*); Trai ngọc môi vàng/Trai tai tượng (*Pinctada maxima*); Trai ngọc nữ (*Pteria penguin*); Trai ngọc trắng/Trai mã thị (*Pinctada martensii*); Trai sông (*Sinanodonta elliptica*); Trai tai ghé (*Tridacna squamosa*¹); Trai tai tượng lớn (*Tridacna maxima*¹); Trai tai tượng vàng ghé (*Tridacna crocea*¹); Tu hài (*Lutraria rhynchaena*); Vẹm xanh (*Perna viridis*); Vọp (*Geloina expansa*); Các loài thuộc Họ ốc móng tay (*Solenidae*); Cầu gai/Nhím biển (*Hemicentrotus pulcherrimus*); Cầu gai đá/Nhum đá (*Heterocentrotus mammillatus*); Cầu gai đen (*Diadema setosum*); Cầu gai sọ dừa/Nhum sọ (*Tripneustes gratilla*); Cầu gai tím (*Heliocidaris crassispina*); Giun nhiều tơ/Rươi biển/Dời biển (*Perineis nuntia var. brevicirris*); Hải sâm (*Apostichopus*

	<i>japonicus</i>); Hải sâm cát/Đồn đọt (<i>Holothuria scabra</i>); Hải sâm đen/Đồn đọt đen (<i>Holothuria atra</i>); Hải sâm đen mềm (<i>Holothuria leucospilota</i>); Hải sâm lựu (<i>Thelenota ananas</i>); Hải sâm mít/Đồn đọt mít (<i>Actinopyga echinites</i>); Hải sâm mít hoa/Đồn đọt dứa (<i>Actinopyga mauritiana</i>); Hải sâm vú (<i>Holothuria nobilis</i>); Rươi (<i>Tylorrhynchus heterochaetus</i>); Sá sùng/Trùng biển/Sâu đất (<i>Sipunculus nudus</i>).	
0511.91.20	- - - Trứng Artemia (trứng tôm ngậm nước muối): <i>Acartia (Acanthacartia) tonsa</i> ; <i>Artemia franciscana</i> ; <i>Artemia monica</i> ; <i>Artemia persimilis</i> ; <i>Artemia salina</i> ; <i>Artemia sinica</i> ; <i>Artemia tibetiana</i> ; <i>Artemia urmiana</i>	kg
12.12	Quả minh quyết⁽¹⁾, rong biển và tảo biển khác, củ cải đường (sugar beet) và mía đường, tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, đã hoặc chưa nghiền; hạt và nhân của hạt và các sản phẩm thực vật khác (kể cả rễ rau diếp xoăn chưa rang thuộc loài <i>Cichorium intybus satibium</i>) chủ yếu dùng làm thức ăn cho người, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác.	
	- Rong biển và các loại tảo khác: Rong bắp sù (<i>Kappaphycus striatum</i>); Rong câu chân vịt (<i>Hydropuntia eucheumatoides</i>); Rong câu chỉ (<i>Gracilaria tenuistipitata</i>); Rong câu cước (<i>Gracilariopsis bailinae</i>); Rong câu thắt (<i>Gracilaria firma</i>); Rong hồng vân (<i>Betaphycus gelatinus</i>); Rong lá mơ lá dày (<i>Sargassum crassifolium</i>); Rong lá mơ Mucclurei (<i>Sargassum mcclurei</i>); Rong lá mơ nhiều phao (<i>Sargassum polycystum</i>); Rong mơ (<i>Sargassum oligocystum</i>); Rong mơ bì đôi (<i>Sargassum duplicatum</i>); Rong mơ lá phao (<i>Sargassum mcclurei f. duplicatum</i>); Rong mơ Quy Nhơn (<i>Sargassum quinhonense</i>); Rong mơ swartzii (<i>Sargassum swartzii</i>); Rong nho (<i>Caulerpa lentillifera</i>); Rong sụn (Rong đỏ) (<i>Kappaphycus alvarezii</i>); Rong sụn gai (<i>Eucheuma denticulatum</i>); <i>Spirulina platensis</i> ; <i>Chaetoceros calcitrans</i> ; <i>Chaetoceros gracilis</i> ; <i>Chaetoceros muelleri</i> ; <i>Chlorella vulgaris</i> ; <i>Chroomonas salina</i> ; <i>Coscinodiscus excentricus</i> ; <i>Coscinodiscus rothii</i> ; <i>Cyclotella comta</i> ; <i>Cyclotella striata</i> ; <i>Cyclotella stylonum</i> ; <i>Diacronema lutheri</i> ; <i>Dunaliella salina</i> ; <i>Dunaliella tertiolecta</i> ; <i>Haematococcus pluvialis</i> ; <i>Isochrysis galbana</i> ; <i>Melosira granulata</i> ; <i>Nannochloropsis oculata</i> ; <i>Navicula cancellata</i> ; <i>Navicula cari f. cari</i> ; <i>Nitzschia longissima</i> ; <i>Phaeodactylum tricornutum</i> ; <i>Rhodomonas salina</i> ; <i>Schizochytrium limacinum</i> ; <i>Schizochytrium mangrovei</i> ; <i>Skeletonema costatum</i> ; <i>Tetraselmis chuii</i> ; <i>Tetraselmis convolutae</i> ; <i>Thalassionema frauenfeldii</i> ; <i>Thalassionema nitzschioides</i> ; <i>Thalassiosira pseudonana</i> ; <i>Thalassiosira weissflogii</i> ; <i>Thalassiothrix frauenfeldii</i> ; <i>Thraustochytrium aureum</i> ; <i>Thraustochytrium striatum</i> ; Các loài thuộc chi <i>Labyrinthula</i> .	
1212.21	- - Thích hợp dùng làm thức ăn cho người:	
1212.21.90	- - - Loại khác	
1212.29	- - Loại khác:	
	- - - Tươi, ướp lạnh hoặc khô, dùng cho công nghệ nhuộm, thuộc da, làm nước hoa, làm dược phẩm, hoặc làm thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm hoặc các mục đích tương tự:	

1212.29.19	---- Loại khác	kg
1212.29.20	--- Loại khác, tươi, ướp lạnh hoặc khô	kg
1212.29.30	--- Loại khác, đông lạnh	kg

(1) Là những loài thuộc Phụ lục Công ước CITES.